

CỎ THƠM

BAN BIÊN TẬP

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN

NGÔ TĂNG GIAO

PHẠM VĂN TUẤN

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

THỦY SENSER

www.cothommagazine.com

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194, USA

TEL. (571) 926-8962

FAX: (571) 926-8962

Email: dsenser@yahoo.com

THÁNG 6, NĂM 2011

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.
HẢI BÀNG H.D.B. ĐỖ BÌNH.
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐÌNH CƯỜNG.
HOÀNG DUNG. PHAN ANH DŨNG.
VŨ HỐI, VŨ THÁI HÒA. VI KHUÊ.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG. HUY LÂM.
PHAN KHÂM. NGUYỄN LÂN. VŨ NAM.
PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.
PHẠM THỊ NHUNG. ĐẶNG NGUYỄN.
ĐỖ PHÚ. KIM VŨ. TRẦN BÍCH SAN.
NGUYỄN SƠN. ĐIỆU TẦN.
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
NGUYỄN VĂN THÀNH. PHONG THU.
TIỂU THU. HỒNG THỦY. LÊ THƯƠNG.
TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.
THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

HẢI BÀNG HDB: Chandler, AZ

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦY: Charlotte, NC.

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



MỤC LỤC

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG:	Trang 4
Lá Thư Mùa Ve Sầu	

BIÊN KHẢO

TRẦN BÍCH SAN:	Nguồn Gốc Văn Học VN	7
NGUYỄN VĂN NHIỆM:	Tìm Về Mái Nhà	26
PHẠM THỊ NHUNG:	Trầu Cau	37
Trong Đời Sống Văn Hoá Dân Tộc		
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH:		43
Hà Nội Buổi Đầu Thời Pháp Thuộc		
PHẠM VĂN TUẤN:	Bi Hải Kịch Bão Tố...	77
NGUYỄN QUÝ ĐẠİ:	Nguyễn Trường Tộ	102
NGUYỄN BẢO HƯNG:	Trường Phái	112
Ấn Tượng hay là Ngôn Ngữ Hội Họa		
NGUYỄN QUỐC KHẮC:	Văn Hóa Chậm Tiến	157
PHƯƠNG NGUYỄN BÁ HẬU:	Triết Lý	168
Đau Khổ và Tình Thương của Nguyễn Du...		
PHẠM TRỌNG LÊ:	Mai Où Sont Les	179
Neiges d'Antan		

VĂN

NGUYỄN THÙY:	Lần Cuối Viết Về Bùi Giáng	11
TRƯƠNG ANH THỤY:		16
Cộng Đồng VN trước 75		
TRẦN THỊ HƯƠNG CAU:	Liên Oĩ	50
DUY AN ĐÔNG:	Quê Hương Tôi	56
DƯƠNG THỊ NẰNG:	Chuyện Người Vợ Tù...	64
ĐỖ BÌNH:	Truyện Kiều Qua Âm Nhạc	73
NGUYỄN MÂY THU:	Chiêu Sinh Hoạt...	85
TÔN NỮ MẶC GIAO:	Những Trang	89
Nhật Ký Ngày Xưa		
ĐỖ PHÚ:	Những Câu Chuyện Tình...	118
VIỆT BẰNG:	Di Chuyển Tình Cảm	126
VĂN BÁ:	Bá Nha Tử Kỳ Tri Âm	133
PHẠM BÁ:	Biển Mặn	136
Ỡ NGUYỄN:	Anh Tôi	144
HOÀNG DUNG:	Cảm Dạ Quỳnh Hương	150

PHONG THU:	Gặp Gỡ Họa Sĩ Vi Vi và Cát Đơn Sa	152
VŨ NGỌC BÍCH:	Nhận Nước Mỹ Là Quê Hương Thứ Hai	171
TIỂU THU:	Hoa Tim	185
VĂN QUANG :	Thi Sĩ Thái Thủy...	201

THƠ

VŨ HỐI:	Cỏ Thơm Quốc Ngữ Thiên Hương	9
HỒ TRƯỜNG AN:	Tiếng Sáo Trưa Hè	10
KIỀU ANH:	Ý Thiết Tha	15
HOÀNG SONG LIÊM:	Cơn Buồn	24
KIỀU ANH:	Gió Chuyển Sang Mùa	35
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ:	4 Bài Tứ Tuyệt	35
THIÊN ĐỨC:	Lãng Du	41
XUÂN BÍCH:	Nét Lãng Mạn Buồn	42
ĐẶNG NGUYỄN:	Hạ Buồn	49
CAO MỸ NHÂN:	Vào Hạ	55
NGUYỄN KINH BẮC:	Hạ Buồn	55
CAO MỸ NHÂN:	Nắng Hạ	55
NGUYỄN VÔ CÙNG:	Lửa Hạ	55
Ý ANH:	Hạ Hồng	80
PHAN KHÂM:	Cỏ Tơ	83
LÝ HIẾU:	Nhận Thơ Bạn	83
HÀ NGUYỄN DŨNG:		109
Tình Lên Xanh Kín Lòng		
ĐỖ THỊ MINH GIANG:	Phượng Mơ	109
PHI HỒNG TRẦN:	Cây Trâm Long Nhím	130
PHAN KÂM:	Thất Nơ	130
YÊN VI:	Gối Đầu Lên Hạnh Phúc	178

NHẠC

VŨ ĐỨC NGHIÊM:	Đoá Hồng Cho Người Yêu Dấu	70
THANH TRANG:	Bài Tình Ca Trong Ngày	110
HUY LẪM:	Tình Khơi Sóng Vĩ	124
VŨ THÁI HOÀ :	Giữ Mãi Giùm Anh	143
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT		

GIAO ĐIỂM

DƯ THỊ ĐIỂM BUỒN:	Tôi Đã Khóc	25
-------------------	-------------	----

THANH THANH: I Have Cried	25
VÂN HẢI: Thuyền Mây	36
THANH THANH: Bark of Clouds	36
ENRICO MACIAS: Adieu Mon Pays	76
TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO Vĩnh Biệt Quê Tôi	76
NO CHON MYUNG: La Solitude	122
NGUYỄN MÂY THU: Cô Đơn	122
DIỄM HOA: Mon Slow	184

HỌA

ĐINH CƯỜNG: Thiếu Nữ-Trăng Xanh	Bìa trước
---------------------------------	-----------

NHIẾP ẢNH

LÊ VĂN KHOA: Ảnh Trắng Đen	99
HÌNH ẢNH SINH HOẠT CỎ THƠM	191
NGUYỄN QUỐC KHÁI: Trong Đầm Gi Đẹp Bằng Sen.	Bìa sau

GIỚI THIỆU

PHÒNG MẠCH Bác Sĩ Võ Đạm	54
BUỔI HÒA NHẠC Vũ Đức Nghiêm	72
TRIỂN LÃM Tranh Đình Cường	75
Trương Vũ, Nguyễn Trọng Khôi	
THI PHẨM Giữ Mãi Giùm Anh của Uyên Phương Minh Nguyệt	98
VÃNG SANH TỊNH ĐỘ của	101
Bác Sĩ Nguyễn Thanh Giản	
TÌNH GIÀ của Mục Sư Phan Thanh Bình	101
SĨ QUAN TIỀN SÁT PHÁO BINH của Nhà Văn Nguyễn Văn Khôi	101
PHÒNG MẠCH BS Nguyễn Quốc Quân	151
RA MẮT SÁCH : The Rain Still Falls In Saigon - Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi	156
SOVEREIGN REALTY, INC.	167
PHÒNG MẠCH BS Nguyễn Kim Dung	204
Nhà Hàng HARVEST MOON	205
DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN	206

LÁ THƯ MÙA VE SẦU

Hẳn quý vị độc giả đã biết, Tam Cá Nguyệt San vừa kỷ niệm 16 năm sinh hoạt văn học nghệ thuật, vào ngày 27 tháng 3 vừa qua, tại Nhà Hàng Harvest Moon trong vùng Bắc Virginia. Số quan khách tham dự vào khoảng 270 người, hơn con số dự trù. Cỏ Thơm chỉ mời mọc các tác giả, độc giả và thân hữu, không dám quảng cáo rộng vì nghĩ rằng đây là dịp để gặp gỡ nhau hàn huyên thoải mái, không phải vất vả bán vé gây quỹ và không tiếp quan khách được chu đáo. Hầu hết các tác giả trong vùng đều hiện diện.

Từ New Orlean về tham dự có Biên khảo gia Trần Bích San. Anh là diễn giả chính của chương trình văn nghệ với đề tài Giai Thoại Văn Học. Nhà thơ Lam Điền Nguyễn Thử về từ North Carolina để xem hoa anh đào Hoa Thịnh Đốn với bầu đoàn thể tử và các cháu bé rất dễ thương cũng đến tham dự Cỏ Thơm Sweet Sixteenth Birthday. Nhà thơ Uyên Phương Minh Nguyệt đến từ Texas và được phu quân là Nghệ sĩ Khoa Lâm tháp tùng. Nhà thơ nữ của chúng tôi đem trình làng văn học Thủ Đô với thi phẩm đầu tay *Giữ Mãi Giùm Anh* với 100 bài thơ mượt mà trong sáng tình cảm. Đôi uyên ương nghệ sĩ trình diễn hoạt cảnh “Mình Ở” với giọng ca ngọt ngào điêu luyện, được tán thưởng nhiệt liệt. Các nghệ sĩ Cỏ Thơm trình bày một chương trình ca nhạc suất sắc. Xin quý vị xem phần Hình Ảnh Sinh Hoạt Cỏ Thơm từ trang 191 hay vào Website Cỏ Thơm www.cothommagazine.com phần Cỏ Thơm Kỷ Niệm 16 Năm Sinh Hoạt nhiều hình ảnh hơn.

Trong mùa xuân qua, Người Cỏ Thơm cũng có nhiều dịp tham dự những sinh hoạt văn hóa khác trong cộng đồng như Buổi Hòa Nhạc của Nhạc Sĩ Nguyễn Ánh 9, 4/10/2011; Triển Lãm Tranh của các Họa sĩ Đinh Cường, Trương Vũ và Nguyễn Trọng Khôi ngày 4/2/2011; Triển Lãm Tranh của cặp Họa sĩ Vi Vi và Cát Đơn Sa 14/10/2011. Chương trình nhạc thính phòng Một Thoáng Quê Hương với Nhạc sĩ Ngô Minh Trí, Ca sĩ Như Hương, Nguyễn Xuân Thuởng... 5/14/2011. Chương trình ca vũ nhạc “Phong Châu Mở Hội” của cặp Nghệ sĩ Nga Mi và Trần Lăng Minh, 5/22/2011. Nhóm Prelude Chamber Ensemble do Nhạc sĩ Nguyễn Ngọc Châu điều khiển một chương trình nhạc thính phòng đặc biệt cho Father’s Day, 19 tháng 6, 2011... Vậy, đủ hiểu sinh hoạt văn hóa của cộng đồng Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn rất phong phú và trình độ thưởng lãm nghệ thuật của chúng ta rất đáng mừng.

Để chào đón mùa hè, Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm số 55 có bìa trước là tranh sơn dầu trên bố, khổ 24x30, *Thiếu Nữ - Trăng Xanh* lộng lẫy của Họa sĩ Đinh Cường đã được trưng bày trong triển lãm vừa qua tại vùng Thủ Đô. Bìa sau của báo là ảnh “Trong Đầm Gì Đẹp Bằng Sen” rất suýt sắc của nhiếp ảnh gia tài tử Nguyễn Quốc Khải. Trong số báo này, Tiến sĩ Nguyễn Quốc Khải cũng đến với Cỏ Thơm lần đầu tiên với bài biên khảo “Văn Hóa Chậm Tiến”, trang 157. Xin giới thiệu cùng quý độc giả và cảm ơn quý tác giả đã sốt sắng gửi sáng tác giá trị làm duyên dáng hình thức và giàu mạnh nội dung Cỏ Thơm như bao giờ.

Một tin mừng lớn chúng tôi hân hạnh thông báo cùng quý độc giả, Nhà Xuất Bản Xlibris Hoa Kỳ đã in ấn và phát hành tập truyện ngắn song ngữ *The Rain Still Falls in Saigon – Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi* của Nhà văn Phong Thu. Quý vị có thể mua sách qua www.Amazon.com, www.Barnesandnoble.com, www.Xlibris.com. Xin có lời chúc mừng Phong Thu và mong nhà văn của chúng ta thành công trong dòng chính Văn học Hoa Kỳ.

Nhà văn Phong Thu đã dự định có một buổi ra mắt *Sài Gòn Mưa Vẫn Rơi* tại Hội Trường James Lee, Annandale, ngày 30 tháng 7. Xin xem thêm chi tiết trang 149. Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm sẽ tích cực hỗ trợ Phong Thu. Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung giới thiệu tiểu sử tác giả và Học giả Nguyễn Ngọc Bích giới thiệu sách. Xin quý vị tham dự và mừng cho Tác giả Phong Thu, đồng thời thưởng thức một chương trình văn nghệ đặc sắc với những bài ca có chủ đề Sài Gòn do Nghệ sĩ Đèo Văn Sách điều khiển.

Ngày 20 tháng 11, 2011 Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm cùng sẽ tổ chức một buổi hòa nhạc thính phòng với các ca khúc của Vũ Đức Nghiêm để vinh danh Nhạc sĩ một đời phụng sự cho nền ca nhạc Việt Nam. Xin quý xem chi tiết trang 72 và ghi nhớ ngày tham dự.

Trước khi kết thúc lá thư tâm tình cùng quý vị, chúng tôi xin cùng quý vị có lời cầu nguyện cho nạn nhân của trận động đất, hồng thủy Tsunami khủng khiếp và nạn nhân trong trận lụt ngút ngàn Missisipi, những cơn gió lốc tàn phá Missouri... Những nước giàu mạnh khi bị thiên tai nặng nề cũng gặp những cảnh tang thương, đau lòng như các nước nhược tiểu vậy!

Mong rằng Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm có đủ bài vở để quý vị quên đi những phức tạp đời sống và chúc quý vị có một mùa ve sầu nhưng vui vẻ, nhiều kỷ niệm đẹp.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

NGUỒN GỐC VĂN HỌC VIỆT NAM

Trần Bích San
(Tiếp theo Cỏ Thơm 54)

TÁC GIẢ VĂN CHƯƠNG TRUYỀN KHẨU

Tất nhiên tác giả của văn chương truyền khẩu là những người vô danh, người nào đó trong dân gian đã sáng tác ra. Trong thời kỳ ban sơ chưa có chữ viết để ghi lại, người dân phải dùng lời nói nôm na diễn tả tình ý bằng lối sáng tác văn chương tự nhiên rồi truyền miệng với nhau, nhưng chắc chắn tác giả phải là người có trí thông minh hơn người, có óc nhận xét xác đáng, và hơn nữa, phải có óc tưởng tượng phong phú với tình cảm rạt rào, đầy mơ mộng.

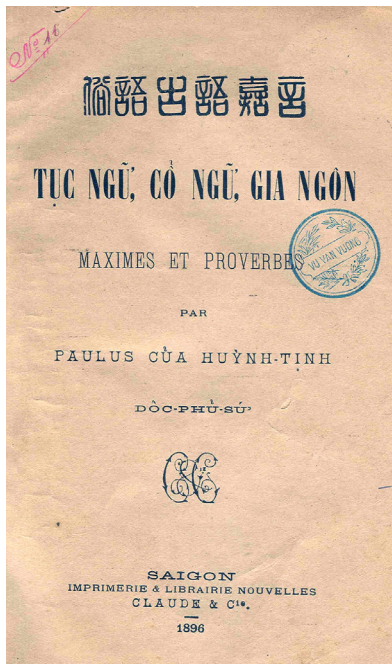
Đến khi nước ta có chữ viết do Hán tự truyền vào cùng với sự du nhập của các đạo giáo thì tác giả văn chương truyền khẩu phải là những người có ăn có học. Trong xã hội ta xưa một số nhỏ nho sĩ thành đạt trước khi thi đỗ ra làm quan đã xuất thân từ nơi dân dã. Phần lớn các nhà nho còn lại là các hàn sĩ sống suốt đời với làng xã của họ, học hành, sinh hoạt bên cạnh nông dân ở thôn quê, chia sẻ từ công việc thường nhật đến tham dự hội hè đình đám. Họ

sống và nghĩ như người bình dân, chính những nho sĩ này là tác giả văn chương truyền khẩu. Giả thử nếu có một số câu tục ngữ, ca dao do người bình dân nghĩ ra thì sau đó tất phải được các nho sĩ sửa đổi, thêm thắt, chau chuốt cho ý nghĩa thêm xác đáng, lời lẽ thêm văn vẻ.

Văn chương là sản phẩm của trí tuệ, văn chương bình dân cũng không nằm trong biệt lệ. Người bình dân không được đi học, trí tuệ chưa mở mang, không thể nghĩ ra được một câu tục ngữ chí lý, làm một bài ca dao bóng bảy dạt dào tình cảm, hay nghĩ ra được một truyện cổ tích hấp dẫn và có ý nghĩa. Chính những người trí thức ở nông thôn đã sáng tạo ra văn chương bình dân. Vì những sáng tác này thích hợp với tâm tình người dân, đáp ứng được nhu cầu tinh thần của họ nên được ưa chuộng và lưu truyền trong dân gian.

Văn chương bình dân là nguồn gốc của văn học Việt Nam. Nghiên cứu và tìm hiểu về nền văn học truyền khẩu nước ta để tìm thấy tinh thần người Việt hiện ra ở đây, tinh hoa dân tộc Việt cũng nằm trong đó vậy.

Trần Bích San (New Orleans)



CHÚ THÍCH

(01) Văn hiến hay văn hóa tuy đọc khác nhưng cùng một nghĩa. Văn học nằm trong văn hóa của một nước.

(02) *Tục Ngữ Phong Dao* của Nguyễn Văn Ngọc thu thập được 6500 câu tục ngữ

(03) Trong *Gia Huấn Ca* của Nguyễn Trãi

(04) Trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du

(05) Ban môn vũ phủ

(06) Tích thiện phùng thiện

(07) Ma chữ thành tâm

(08) Cước vận (cước: chân) là vận ở cuối câu.

(09) Yêu vận: (yêu: lưng) là vận ở lưng chừng câu

(10) Tên các làng (Vạn Vân: làng chài thuộc tổng Vạn Hải, huyện Hoàn Bô, tỉnh Quảng Yên. Đàm: tên làng Diêm Khê, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Đông. Sét: tên làng Giáp Lục, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông)

(11) La: gọi tắt tên của tổng La Nội, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông. Láng: tên làng Yên Lãng, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông. Báng: làng Đình Báng, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Bần: làng Yên Nhân, phủ Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

(12) Tên các làng (Tò, Tó: hai làng thuộc tỉnh Thái Bình). Hành Thiện: làng sản xuất ra nhiều nhân vật nổi tiếng và các nhà đại khoa thuộc tỉnh Nam Định.

(13) Nguyên tắc xây cất: dưới rộng, trên hẹp

(14) Phép đục một lỗ để tra mộng ở chỗ nối 2 đầu thanh gỗ: mộng dài bề dọc thì qua, nhưng nếu lớn bề ngang thì tra không vào, cổ đống lỗ sẽ bị nứt.

(15) Tác giả Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc thu thập được tất cả 8500 câu ca dao (*Tục Ngữ Phong Dao*)

(16) Nghĩa: nếu phương đông tối đen, phương tây ráng trời đỏ rực, gió may bắt đầu thổi thì đó là triệu chứng sắp có mưa to gió lớn.

(17) Nói về việc Pháp lập vua Đồng Khánh ở Huế trong khi ở ngoài Bắc và trong Nam vua Hàm Nghi vẫn được dân chúng và phong trào Văn Thân ủng hộ.

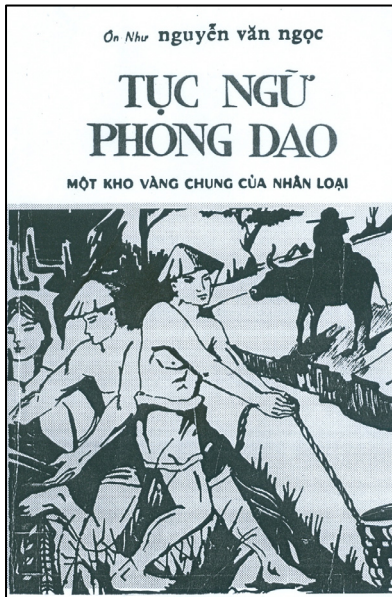
(18) Trông là rừng, trông nhà Hồ là rừng Hồ Xá Lâm thuộc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Ngày xưa, rừng này nhiều giặc cướp, ai đi qua cũng sợ. Phá: lạch biển. Tam Giang: ba con sông. Phá Tam Giang là cái lạch biển ở huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa

Thiên, về phía tây nam có ba con sông là Tả Giang, Hữu Giang và Trung Giang chảy vào rồi đổ ra cửa biển Thuận An. Ngày trước vùng này nhiều sông lớn, thuyền bè qua lại rất nguy hiểm, sau này nước cạn đi nên còn có tên là Hạc Hải (bê cạn) (theo *Đại Nam Nhất Thống Chí*). Bài ca dao này nói về việc ông Nguyễn Khoa Đăng, nội tán đời chúa Hiền Tôn (1691-1725) dẹp yên giặc cướp ở vùng Trông nhà Hồ.

(19) Hai câu này đánh dấu cuộc Nam tiến của dân tộc ta vào thời chúa Nguyễn ở đàng trong.

(20) *Tục Ngữ Phong Dao* của Nguyễn Văn Ngọc thu thập được tổng cộng 364 câu đố.

(21) Được giải thích là Nguyễn Huệ ra Bắc diệt chúa Trịnh (1786), rồi trở vào trong Nam. Khi Nguyễn Huệ mất năm 1792, thái tử là Nguyễn Quang Toản (1872-1802) mới lên



10 tuổi nối ngôi vua Quang Trung, lấy niên hiệu là Cảnh Thịnh. Ba nét chữ Nho ở dưới chân chữ “Cảnh” lại giống như ba nét ở đầu của chữ “Quang”. Nhà Tây Sơn trị vì cả thủy được 14 năm (từ 1788 đến 1802).

(22) Đêm trừ tịch (tối 30 tết), trẻ con nhà nghèo đi thành từng bọn đến trước cửa các nhà để xin tiền. Đứa đi đầu cầm cái ống đựng tiền đã xin được lắc lên thành tiếng “súc sặc”, bọn chúng vừa lắc vừa hát bài hát “súc sặc, súc sê” này.

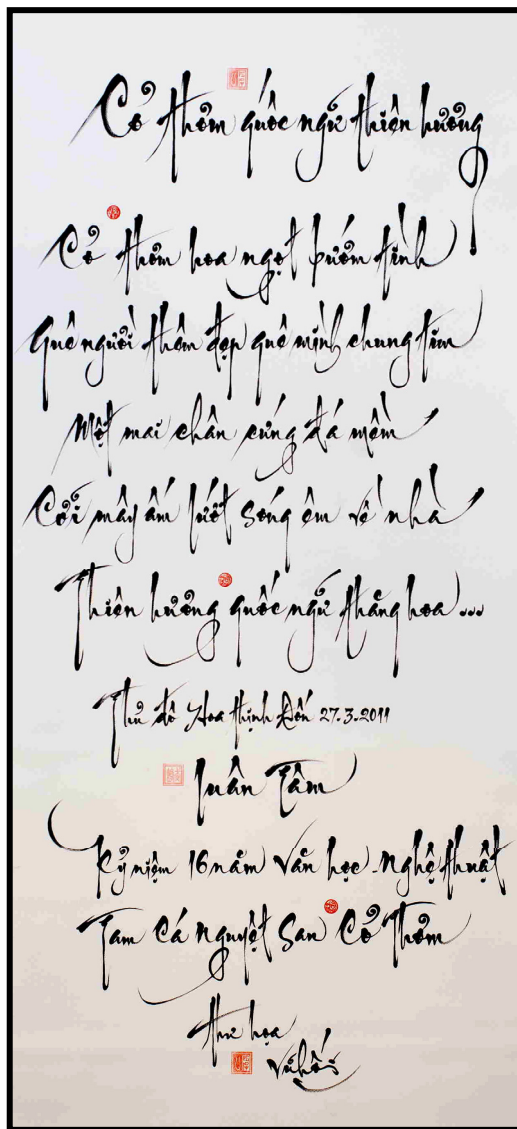
(23) *Truyện Cổ Nước Nam* (2 quyển) của Nguyễn Văn Ngọc thu thập được tổng cộng 248 truyện cổ tích.

(24) Vài thí dụ: truyện *Tám Cám* giống như truyện của Ấn Độ, truyện *Quý Nhạp Trạng* là truyện *Thị Biển* trong Liêu Trai Chí Dị, truyện *Gái Quạt Mỏ* mượn sự tích Trạng Tử Cổ Bôn của Tàu, truyện *Con Rùa Đội Kinh* mượn từ sách Phật, v.v.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển*, Trung Tâm Học liệu Bộ Giáo Dục, in lần thứ 9, Saigon, 1968.
- Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn Học Sử yếu*, 1941, Trung tâm Học Liệu Bộ Giáo Dục, in lần thứ 10, Sài Gòn, 1968.
- Đinh Gia Khánh, Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn, *Văn Học Dân Gian Việt Nam*, nxb Giáo Dục tái bản lần thứ 4, Hà Nội, 2000.
- Lê Văn Siêu, *Nguồn Gốc Văn Học Việt Nam*, nxb Thế Giới, Sài Gòn, 1956.
- Lê Văn siêu, *Văn Học Sử Việt Nam*, nxb Văn Học, thành phố HCM, 2005.
- Nguyễn Đông Chi, *Việt Nam Cổ Văn Học Sử*, Hà Nội, 1941.
- Nguyễn Văn Ngọc, *Tục Ngữ Phong Dao*, tập I & II, nxb Vĩnh Hưng Long Thư Quán, Hà Nội, 1928.
- Nguyễn Văn Ngọc, *Truyện Cổ Nước Nam*, 1932 & 1934, nxb Thăng Long tái bản, Sài Gòn.

- Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, quyển I, nxb Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn, 1961.
- Phạm Văn Diêu, *Văn Học Việt Nam*, quyển thượng, nxb Tân Việt, Sài Gòn, 1960.



TIẾNG SÁO TRƯA HÈ

Tuổi thơ tôi trải vùng châu thổ
Ruộng trũng, ruộng gò, mộng ngát xanh
Tre trúc la đà đường xóm nhỏ
Hiu hiu trong nắng, gió khua cành.

Lòng của bé thơ: vương lụa trắng
Thênh thang trải khắp nẻo đường đời
Hồn nhiên mở mắt nai âu yếm
Lắng vọng bên trời tiếng viễn khơi.

Cắt khúc trúc già làm ống sáo
Lưng trâu thả nhạc buổi trưa hè
Véo von tiếng mỏng bay cao vút
Âm hưởng dạt dào, tôi lắng nghe.

Ơi, những trưa hè vàng rực nắng!
Sáo đưa người thả giấc thiu thiu
Chợt nghe tận đáy hồn sâu thẳm
Sôi réo đời qua tiếng nhạc thiều.

Lối về cuối xóm sao gần gũi!
Mà sáo dặt dìu bay đến đâu?
Để khách yêu quê nhìn bóng khói
Chân mây còn vọng tiếng còi tàu.

Cuống rún đứt lìa, tôi bỏ xóm
Miệt mài trôi giạt khắp quê hương
Nhà xưa có buổi về thăm lại
Bỏ ngõ chùng như kẻ lạc đường.

Cảnh lạ người thân trôi giạt hết
Bé xưa đất lạnh đã vùi sâu
Nhưng còn lối trúc xanh qua xóm
Còn bóng đong đưa giấc mộng đầu.

Lưng trâu, một bé ngây thơ khác
Cũng đẹp hồn nhiên cặp mắt nai
Thả sáo du dương vào nắng tỏa
Trúc tre lắng đọng điệu u hoài.

Tiếng sáo ru trưa, ru quá khứ
Chập chờn từng thoáng rộn mong manh
Để tôi ngùi ngậm niềm man mác
Gửi sóng thời gian chút ý tình.

Em xưa có phải đầu thai lại
Trên mảnh đất nhà trộn thịt xương?
Giao cảm nối liền qua kiếp trước
Tặng tôi bằng điệu sáo quê hương.

Để tôi sống lại bao năm trước
Những buổi trưa hè vàng xóm quê
Những buổi mênh mông nhìn nắng đẹp
Thương người đã mất dấu đường về.

Đồn dập tang thương, ơi xóm cũ!
Bóng tà dương úa lạnh hồn quê
Để rồi thêm một lần sai bước
Lỡ chọn đường bung bít lối về.

HỒ TRƯỜNG AN

(France)

Lần cuối viết về Bùi Giáng

NGUYỄN THÙY

Gữa lúc đồng bào trong nước và chúng ta nơi hải ngoại đang phải đối mặt với bao vấn đề trầm trọng (hiểm họa mất nước về tay Tàu Cộng, thủ đoạn tàn độc, dã man của Việt Cộng xem tính mạng người dân như cỏ rác), mà ‘lãi nhái’ về chuyện ‘Bùi Giáng – Kim Cương’ hay gì khác, xem ra không hợp cảnh, hợp thời, hợp lúc và Việt Cộng sẽ ‘trung đùi’ nhìn chúng ta tranh cãi, bàn tán những điều ‘không đâu’. Vậy nên, xin lần cuối viết thêm về Bùi Giáng rồi xin ngừng.

Như đã nói trong bài **‘Đôi mẩu chuyện về Bùi Giáng’**, những gì Bùi Giáng viết đều ít nhiều liên hệ đến Đạo học, Tôn giáo và Tư tưởng của bao nhà triết, nhà văn, nhà thơ Đông Tây, kim cổ. Phần nào thông qua điều này mới nhìn ra ít nhiều hồn thơ Bùi Giáng.

- Chẳng hạn bài thơ sau đây (người viết lại không nhớ nhan đề) :

«Bờ bến lạ lá cây rung cùng tột
Trận điều tàn bào hạo nhị giai nhân
Đường địa hạt ngày mai xin bữa một
Đợi hôm nay từ hôm trước chuyện cần

Như màu lá nhớ màu cây đầu ngõ
Thị thành vui vì sắp sửa sang đèo
Gió khuyến khích trong đập dồn hiểm họa
Hồn thu phong trường kiếm dựng cho bèo».

Xin chỉ chú ý đôi câu nơi bài thơ:

1) *‘Trận điều tàn bào hạo nhị giai nhân’*.
‘Nhị giai nhân’ là hai người đẹp, là ‘Thánh Nữ, Tiên Nương’, tượng trưng cho Tôn

giáo và Thi ca. Thế gian trong mê mờ, huyền ảo, chạy theo bao phù phiếm, hư ảo, tạo nên dòng lịch sử bi đát, tang thương (trận điều tàn) đã vùi dập (bào hạo) hai người đẹp này. Tôn giáo bị xem là thuốc phiện, là mê tín dị đoan, ru người vào mộng ảo. Thi ca bị xem là phù phiếm, vô ích, việc làm của những kẻ ‘ăn không ngồi rồi’, thủ tiêu khiến qua đường của bao kẻ trưởng giả, giàu sang. Cả hai bị xem là vô ích, vô bổ, là ‘lương thực’ của những tâm hồn bệnh hoạn, bất lực giữa điều tàn; nào đâu biết rằng chính Tôn giáo và Thi ca là những cánh cửa mở vào Vô Cùng, đưa dẫn con người và cuộc sống nó đến những bến bờ an lạc, những khung trời bằng an, những cảnh đời lương hảo, trong sáng, tươi vui, giải thoát cuộc đời khỏi trầm luân, sa đọa.

Có thể liên hệ đến đoạn thơ của Gérard de Nerval trong bài thơ *El Desdichado*: *‘Et j’ai deux fois vainqueur traversé l’Achéron: Modulant tour à tour sur la lyre d’Orphée, Les soupirs de la Sainte et les cris de la Fée’*. Bùi Giáng đã dịch sang tiếng Việt, người viết không nhớ, nay xin tạm dịch: *‘Và tôi hai lần thắng, vượt Hoàng Tuyền, Khúc huyền cầm Orphée lần lượt rung rung, Tiếng thờ dài của Thánh Nữ và tiếng gào thét của Tiên Nương’*

2) *Hai câu thơ cuối. Gió*, cơn lốc lịch sử triền miên gây hiểm họa cho cuộc sống người nhưng đồng thời cũng giục giã những kẻ *‘quân tử, trượng phu’* (hồn thu phong, lấy ý

hình như trong sách Đại Học: ‘Đức kẻ quân tử như gió, đức kẻ tiểu nhân như cỏ’ đem hết *hùng tâm, tráng khí* (trường kiếm) đấu tranh xây dựng cảnh đời an lạc, hạnh phúc cho quần chúng khổ đau, bèo bọt (bèo) trong gọng kềm của bạo lực bạo quyền tàn ác, bất nhân. Có thể liên hệ đến câu thơ chữ Hán của Nguyễn Du: ‘*Yêu gian trường kiếm quai thu phong*’ (Thanh trường kiếm ngang lưng mang chờ gió thu - tạm dịch như thế, xin bạn đọc bỏ túc cho thật đúng) Có lẽ, đối với anh, cảnh thế nhân gian nói chung hiện nay và riêng của VN đang trong ‘tà huy’, đang trong bóng tối của hoàng hôn, của thời ‘mặt hậu’, của thời ‘hạ nguơn’ như linh cảm của một số người, nhất là số tín đồ Hòa Hảo đang trông chờ một ‘Hội Long Hoa’ sẽ đến. - Cái ‘tà huy’ đó hiện nay sẽ tan đi khi ‘*Hồn thu phong trường kiếm dựng cho bèo*’. (Xin liên hệ ít nhiều đến thời cuộc: Bao nhiêu kẻ sĩ phu trong nước, đem hết hùng tâm tráng khí đấu tranh chống bạo quyền Cộng sản để xây dựng cảnh đời dân chủ, tự do, nhân quyền, nhân phẩm cho toàn thể đất nước và nhân dân.).

-Thêm hai câu thơ, anh Giáng thường đọc cho tôi nghe:

Em về giữ áo phù sa

Trút quần phong nhụy cho tà huy bay.

‘**Áo, Quần**’ là lớp vải ta mặc bên ngoài thân thể và luôn thay đổi. **Phù sa, phong nhụy** (tự điển Hán Việt Nguyễn Văn Khôn không có từ ‘phong nhụy’) ám chỉ những gì xa hoa, diễm lệ, tốt đẹp, thường được quan niệm là ‘hạnh phúc’ của đời sống: tiền nong, của cải, giàu sang, danh vọng, địa vị, quyền uy, tăm tiếng..., lôi cuốn ta vào phiền não, lo âu, cạnh tranh chiếm hữu, đày đọa cuộc sống ta, những thứ bên ngoài không chắc thật, luôn thay đổi như áo quần ta mặc. Chỉ khi nào **Em** trút bỏ hết những xa hoa, phù phiếm đó thì **tà huy** tức bóng chiều tăm tối sẽ tan đi. Nhưng **Em là ai?**

Và Em về, về đâu, từ đâu về? Em có thể là người yêu, người tình, một hồng nhan sắc nước hương trời nhưng nơi đây, có thể là Thượng Đế, là Đạo Thể (Être) đã bị người đời ‘trang điểm’ bằng bao thù ‘phù sa, phong nhụy’ nên không thể hiện được cái Tính Thể tinh anh, thuần khiết nguyên thể của mình. Chỉ khi nào, trút bỏ được những thứ trang trí mỹ miều, diễm đúa giả tạo đó, Thượng Đế hay Đạo Thể mới hiển hiện tinh tuyền, diễm lệ, thanh tân. Bóng **tà huy** của cảnh giới nhân gian (l’Obscurissement du monde) sẽ tan đi để người người và cuộc đời vui hưởng mọi toàn thiện, toàn chân, toàn mỹ. Ta có thể liên hệ đến lời trong Tin Lành St Jean : ‘*Sự sáng soi trong tối tăm, tối tăm chẳng hề nhận lấy sự sáng*’ (Jn 1, 5). Ta cũng có thể nhắc lời thơ Nguyễn Bính : ‘*Hôm qua em đi tỉnh về, Hương đông gió nội bay đi ít nhiều*’. Cũng có thể liên hệ đến hai câu khác của Bùi Giáng :

Em về mấy thế kỷ sau

Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không ?!

Ta cũng nghĩ đến lời cuối trong bài Tứ Tuyệt của Trương Kế : ‘*Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền*’ (Nửa đêm chuông đến với khách trên thuyền). **Đạo** (tiếng chuông) **đến với người** (khách thuyền). Vì thế, khi Tân Đà dịch câu đó ra tiếng Việt ‘*Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San*’, nhóm từ ‘**nghe tiếng chuông chùa**’ không đúng với ý tinh tác giả.

Có thể bạn đọc nghĩ rằng Bùi Giáng ‘đạo’ thơ văn người này người nọ. Không phải thế. Bùi Giáng không ‘ăn cắp’ thơ văn của ai đâu. Anh chỉ ‘tương ứng’ với tư tưởng người này người nọ rồi tư duy theo anh và diễn giải bằng cách ‘lập ngôn’ của riêng mình.

Trước 1975, tôi chỉ nghe Bùi Giáng đọc theo thể điệu phiêu hốt, phiêu bồng thơ anh cùng thơ nhiều người khác như Nguyễn Du, Tô Đông Pha,..., tôi thấy hay hay, thích thích chứ chẳng hiểu gì. Sau 1975, từ 1979, tôi

bỗng nhiên làm thơ, viết văn, nhớ lại lời thơ anh đọc, tôi ‘cảm nhận’ ra những gì bằng bạc sâu xa nên bây giờ viết lại những ‘cảm nhận’ đó chứ không làm công việc ‘nghiên cứu, phẩm bình, nhận xét, phê bình’ theo lối trường ốc. Hy vọng thơ anh cũng được bạn đọc ‘cảm nhận’ tinh tế hơn tôi. Đừng vì những thái độ, những lời ‘bõn cợt’ nơi thơ anh mà quên đi phần ‘ẩn mật’ mông lung, bằng bạc trong đó.

Cuộc Tình (?) Kim-Bùi. Kim Cương không yêu Bùi Giáng mà chỉ thương, mến, nể, trọng, cảm kích những tình cảm chân thành của Bùi Giáng thôi. Không một cô gái nào, nhất là được nổi tiếng trong làng kịch nghệ, có thể chịu đựng được những ‘đùa giỡn’ ngông nghênh, nhiều khi ‘lố lăng’, sàm sỡ của họ Bùi như Kim Cương. Kim Cương đã ‘bù đắp’ cho Bùi Giáng những trống vắng, cô đơn, một chỗ ‘tựa’ để anh gởi trao những ý tình viên mộng, viên mơ – dù Kim chẳng hiểu ra sao và mọi người xem anh như là một ‘hiện tượng’ lạ lùng thôi. Bùi Giáng, theo tôi, không yêu Kim Cương theo lối ái tình trai gái mà ‘thương’, một thứ tình thương dễ được hiểu là ‘yêu’ nhưng cao quý hơn tình yêu nam nữ. Đây là thứ tình thương kỳ lạ, một thứ tình cảm vời vợi, bát ngát, mênh mông, bay thẳng vào vô cùng, vào hư không huyền nhiệm. Qua Kim Cương, anh đã đưa tình từ **‘không’ vào ‘hữu’** để biến thành cái **‘hữu trong không’** và để sống cái **‘không trong hữu’**. Kim Cương không thể hiểu điều này. Cuộc tình ‘Bùi – Kim’, **cuộc tình giữa ‘Kim kỳ nữ’ với ‘đười ươi thi sĩ’ Bùi Giáng, bán dùi** (anh thường nói lái tên anh) không là một thứ ‘amour platonique’. Với tất cả những tình cảm cao quý, những ‘chịu đựng’ của Kim đối với anh, anh xem Kim Cương như một ‘hình tượng’, một ‘hiện thân’ nào đó từ lâu hình thành chập chờn nơi anh, để anh ‘gỡ gắm’ và

hướng về một ‘cảnh giới’ xa xôi, huyền ảo, để anh **‘xuất võng ngoại tồn’** (thuật ngữ của anh) ra khỏi cảnh đời nhầy nhụa của nhân sinh. Như Đinh Hùng từng *‘Tôi đặt em lên ngai thờ nữ sắc, Để cho em biện hộ kiếp ngày sau, Vì người em có bao phép nhiệm màu, Một sợi tóc đủ làm nên kinh ngạc’* (có thể tôi không nhớ đúng nguyên văn), Bùi Giáng xem hình tượng Kim Cương có những gì huyền nhiệm mà **‘giọt nước đá’** của Kim trên mỏ anh cũng có một khả năng lạ lùng lôi kéo anh ra khỏi mọi vũng lầy phiền não của nhân gian. Anh không nhận một giúp đỡ thực tế nào nơi Kim Cương mà Kim Cương có giúp đỡ gì, anh cũng không nhận. Bùi Giáng chưa một lần nào nói với tôi về nhan sắc, về vóc dáng, thân xác Kim Cương; chưa lần nào mô tả ‘mùi vị’ của Kim Cương, chưa lần nào nói về tài năng kịch nghệ của Kim Cương. Nếu có lần anh cầm tay Kim Cương hay quì xuống lấy vạt áo hay lai quần Kim Cương lau mặt mình hoặc ‘nắn ni’ Kim Cương ‘đái’ vào mình, vào nắm mồ mình thì cũng không phải để được đón nhận hương sắc, mùi vị ‘người yêu’ (?) mà xem đây là hồng ân, phước lộc của một đấng nào đó, một Bồ Tát, một Thánh nữ, Tiên nương mà qua Kim Cương anh đã hình dung trong tâm trí, đang hướng vọng tìm về. Và Kim Cương, với máu nòi nghệ sĩ, trước một bậc ‘tài hoa’, không hề khó chịu chút nào trước những lời sàm sỡ, những cử chỉ quái dị cùng những mùi mồ hôi meo mốc toát ra từ bộ áo quần cái bang không hề được giặt gya, từ tấm thân kẻ ‘bán dùi’ có thể cả hai, ba tháng không hề tắm rửa. Bùi Giáng không hề xem Kim Cương là ‘người đẹp’, một nhan sắc kiêu diễm nào như Đại Kiều và Tiểu Kiều thời Tam Quốc qua lời thơ Đỗ Mục: *‘Đông tước xuân thâm tỏa nhị Kiều’* (một nền Đông tước khóa xuân hai Kiều). Bùi Giáng không chú ý gì đến tài năng kịch nghệ của nàng, không để ý gì đến mọi lời khen chê Kim

Cương của bất cứ ai, không hề để ý cuộc sống Kim Cương ra sao, cùng những khổ đau về tình ái của Kim Cương (mà chắc Kim Cương cũng không hề kể cho anh nghe).

Anh đóng vai một ‘Bồ Tát’ bị đọa, một ‘Thiện trí thức’ làm đủ mọi lỗi ‘ngịch hành’, đem chính mình ra bêu diều để đón nhận mọi khinh chê, và đôi chút từ tâm nơi bao kẻ nghèo hèn, cùng khốn... Những lúc anh bắt tôi cùng anh quý trước đôi cô nàng bán thuốc lẻ, bảo họ là ‘thánh nữ’, là ‘Bồ Tát’,... ; những cô bán thuốc lẻ đó là ai ? Nhiều cô chính là vợ hay con cái các ông lính chiến VNCH. Anh từng đứng trước quán phở, đợi khách ra đi là bung vội tô phở còn sót chút nước, húp lấy húp để, vô cùng sáng khoái nhưng chủ quán thương tình định làm cho anh tô phở nhỏ, anh lại nhất quyết từ chối, sau khi nói lời cảm tạ... Hình như anh muốn ‘nuốt’ hết những ‘cặn bạ’ của cái xã hội sa đọa cho ai nấy được ‘tỉnh thức’, phải chăng? Một nắm xôi, một trái chuối của ông bà bán dạo cho anh, anh trân quý như tấm lòng Bồ Tát, lạy chào, cảm ơn rồi rít rồi bỏ hết vào các túi ‘cái bang’, hai ba ngày sau chuối nát, xôi thiêu, lại móc ra ăn rất ngon lành, tôi cũng đành nhắm nháp chút ít cho anh vui... Lũ trẻ nhỏ ném đá vào anh, anh ví đuôi chúng nhưng rồi lại kêu chúng, chia cho chúng trái chuối, gói xôi,... Những lần anh đóng vai ‘cảnh sát giao thông’ đứng ngay giữa đường chỉ xiêng chỉ xéo cho xe cộ và bộ hành khiến lũ trẻ và mọi người bu lại xem, cười cợt,..., phải chăng anh muốn diễu các ông ‘bò vàng’ (công an Việt Cộng) không làm công việc tốt cho dân mà chỉ lo nạt nộ, mắng nhiếc, bắt bớ, tịch thu mọi thứ như trường hợp một số quán cà-phê ‘bất đắc dĩ’ nơi lề đường trước nhà đã vội vàng ‘đuổi khách’, bung ly tách, lôi bàn ghế vào nhà vì đã thấy bóng ‘bò vàng’ thấp thoáng đằng xa.

Tôi từng chứng kiến cảnh này và cũng đã là ‘nạn nhân’ của một lần ‘bó ráp’ này.

Cái gọi là ‘điên’ của Bùi Giáng, xem ra khó thể nhận diện rõ ràng ra sao. Kim Cương bảo là ‘cái điên trí tuệ’. Cái ‘điên’, nếu có thể gọi thế, của Bùi Giáng như mang chứa tính cách ‘triết nhân’, tính cách ‘tư tưởng’ khó lòng nhận ra. Anh ‘điên’ với cuộc đời, với tất cả mọi người mà anh xem là ‘giả hình, man trá, đạo đức giả’, và anh ‘đóng vai ‘điên, khùng’ để mong đem đến cho những lớp người nghèo khổ, đón đau, đôi chút khuấy lãng, đôi tiếng cười quên hầu vơi đi trong phút chốc những ‘đọa đày’ của cuộc sống nham nhở, điêu linh. Nhưng lúc gặp ai là người không khó chịu về cách múa may, ăn mặc dơ dáy, cách nói lung tung chẳng đầu chẳng đuôi, cả cách nói tục của anh thì anh lại có một phong thái khác. Một lần, nhà thơ Đỗ Bình, sau khi ra khỏi trại tù ‘cải tạo’ của Cộng Sản, ngồi nơi chiếc quán đối diện với công trường Đại Học Vạn Hạnh, thấy từ bên kia cầu Trương Minh Giảng một người áo quần dơ dáy, xóc xếch, chấp vá từng miếng vải đủ màu, đủ sắc, miệng hét, tay quơ, theo sau là lũ trẻ chỉ chỏ, trêu chọc, Đỗ Bình biết ngay là Bùi Giáng, liền chạy ra, nắm tay, đưa anh vào quán, mời anh uống cà phê. Bùi Giáng trở nên nghiêm trang, không còn đùa cợt, nói tục, vung tay múa chân nữa. Nhìn anh bung ly cà-phê, Đỗ Bình bảo: ‘Ông ăn mặc ‘điên dứa’(!), hét la, đùa giỡn, chọc ghẹo, nói năng chẳng ai hiểu,... mọi người bảo là ông điên’. Bùi Giáng uống cạn ly cà-phê, nói ‘cảm ơn’ rồi đứng dậy, nói với Đỗ Bình: ‘Cái xã hội này, có ai là người tỉnh mà chủ mày bảo ta điên?’. Câu trên cho ta thấy ‘Tự thân Bùi Giáng không điên mà chỉ đóng vai trò người điên thôi’. Bùi Giáng ‘điên’ hay ‘phải điên’ chỉ vì một ý hướng nào khác mà mọi người không nghĩ ra. Cái ‘điên’ của Bùi

Giáng không hẳn do từ những ‘ẩn ức, dồn nén’ nào theo Phân Tâm học của Freud. Cái điên của anh, có thể xem là cách hành xử của nhà ‘thiện trí thức’ làm đủ mọi trò nghịch hành, nghịch lý hầu ‘độ’ người đời, với tầng lớp khổ đau là giúp họ vui quên ít nhiều phiền não, ưu tư giữa cuộc sống điều linh, với bao kẻ khác, là để họ nhìn ra cái sống nham nhở, tạp nham, nhếch nhác, dối trá, giả tạm, hư huyền mà cứ ngỡ là đứng đắn, khôn ngoan, là hạnh phúc,,...(Không thể phân tích được cái ‘điên’ của anh nên khi viết về Bùi Giáng, người viết cũng rất phân vân, lúng túng nên lời văn đôi lúc trùng lặp, luộm thuộm, xin bạn đọc tha cho cái tội dài dòng)..

Cuộc tình ‘Kim-Bùi’ ? Một cuộc tình đơn phương và ‘hoang tưởng’ của Bùi Giáng, phải chăng ? Một cuộc tình ‘tưởng không’ mà ‘thực hữu’, một cuộc tình ‘thực hữu’ được xây dựng trên nền tảng ‘hư không’, như đã nói ‘đưa hữu vào không’ để sống cái ‘không trong hữu’. **Có thể đây là nội dung tư tưởng lung linh, bàng bạc nơi anh và cũng là ‘nội dung’ con điên của anh.**

Tôi có ‘tưởng tượng’, bịa đặt, thêu dệt cho anh không ? Bạn đọc nghĩ sao cũng được. Tôi chỉ ‘cảm nhận’ mơ hồ như thế. Và trong cảm nhận đó, xin gọi đến bạn đọc bài thơ nói về cuộc tình ‘Bùi – Kim’ để vừa tưởng niệm người bạn, người anh và phần nào là người thầy, vừa để gọi đến nàng Kim chút tình bạn ngày nào giữa Nàng với vợ chồng ‘Thùy-Hạnh’.

Kỷ Tình *

(thác lời Bùi Giáng gởi Kim Cương)

Kim Cương ơi ! Nương từ Kim ơi !
Tôi (B.G.) muốn vùng lên tóm gió khơi
Đánh thức thời gian ngưng đọng đây
Mang chờ tình em tận cuối trời
Đề em tìm thấy trong tôi đó

Đôi cánh Thời-Không chẳng ý lời !
Phải thế chẳng em ?!

Người em vạn đại

Người em hiện tại

Người em tương lai

Tôi dựng điện đài

Tôn vinh em...’**Thần Tượng**’

Trong nhạc tình giao hưởng

Cánh Thiên thần dựng...’**Coi Không Tên**’ ! **

France, 30/12/2010

NGUYỄN THÙY

* Nhại nhan đề bài thơ ‘**Kỷ Nữ**’ của Đinh Hùng

** Mượn ý ‘đáo bi ngạn’, ‘Bờ Bên kia’ và ‘Tánh Không’ của nhà Phật.

Ý THIẾT THA

Năm tháng trôi qua chưa thấy già
Ráng chiều rực sáng trước chân ta
Tóc sanh dù chẳng tròn hương lửa
Dáng ngọc còn vương chút nét hoa
Đã trái đường đi qua sỏi đá
Còn bền tay chống với phong ba
Vãn đàn nối nhịp tình thi hữu
Gửi gắm vào thơ “ý thiết tha”

KIỀU ANH

(Minnesota)

Cộng đồng VN trước 75

PHẦN II

Trương Anh Thụy

(Tiếp theo Cỏ Thơm 54)

c) Một đặc điểm của cộng đồng Việt Nam trước năm 1975 là chúng tôi rất hãnh diện về quê hương đất nước, về văn hóa Việt. Chúng tôi nấu những bữa cơm Việt trong gia đình và thiết đãi bạn bè ngoại quốc bằng các món Việt. Vì thời đó không có các cửa tiệm bán thực phẩm Việt Nam, không mua được các vật liệu làm cơm, và tiệm ăn Việt Nam cũng rất hiếm, chỉ có ở các thành phố lớn, các bà nội trợ thường trao đổi cho nhau cách làm các món mà họ sáng chế được, như lấy cải “broccoli” thay thế cho cải làn, lấy cá hộp “anchovy” thay thế cho mắm nêm, lấy thịt “ham hun khói” (răm-bông) đem ngâm dấm, tỏi làm nem chua...vv... ăn cũng thấy ngon như thường. Sự yêu thương quê hương này còn thấy trong những nỗ lực của một số người tìm cách phổ biến văn hóa Việt Nam qua viết lách. Các vị như Nguyễn Đình Hòa, Nguyễn Ngọc Linh, Phùng Thị Cam, Phạm Thị Thu đã ra được một tờ báo mỏng nhưng rất chuyên nghiệp ngay từ những năm đầu thập niên 50, mang tên *Vietnam Bulletin* giới thiệu nhiều khía cạnh của văn hóa Việt Nam trong tiếng Anh, mà Thư viện Công cộng New York (NY Public Library) đã cất giữ một cách rất trân trọng. Về mặt văn học, anh Nguyễn Ngọc Bích đã dịch *Chinh Phụ Ngâm* (in trong *Texas Quarterly*), *Văn tế Thập loại Chúng sinh* (in

trong *Antioch Review*), thơ cận hiện đại Việt Nam (in trong *Hudson Review*) ...vv... về sau được gom lại trong cuốn Một nghìn năm Thi ca Việt Nam (*A Thousand Years of Vietnamese Poetry* do nhà Alfred Knopf in ra ở New York năm 1975), G.S. Huỳnh Sanh Thông cũng có dịch Truyện Kiều (*The Tale of Kieu* do nhà Random House in ra năm 1973).

Về mặt hội họa, chúng ta có thể thấy tranh Lê Phổ, Mai Trung Thứ, Jacqueline Hà Văn Vượng được bán đây đó, nhất là dưới dạng “print” nhưng một số họa sĩ cũng có những cuộc triển lãm tranh gốc tại các phòng tranh nổi tiếng ở Nữ Ước như họa sĩ Võ Đình, chẳng hạn.



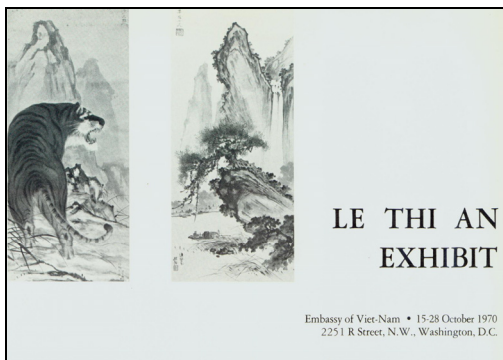
Triển lãm tranh Võ Đình ở Nữ Ước năm 1967

Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa cũng đã từng bảo trợ các cuộc triển lãm của một số họa sĩ. Cuối năm 1968, một phòng tranh trình bày 62 họa phẩm của các họa sĩ nổi tiếng như Nguyễn Cao Uyên, Tú Uyên, Thái Tuấn, Lâm Triết, Nguyễn

Khai, Đinh Cường. Còn một cuộc triển lãm vĩ đại nữa, tôi không còn nhớ năm nào, gồm toàn những họa sĩ tên tuổi của Việt Nam như Trịnh Cung, Đinh Cường, Văn Đen, Hồ Thành Đức, Tú Duyên, Nguyễn Khai, Nguyễn Tuấn Khanh, Nguyễn Lâm, Châu Văn Lang, Cù Nguyễn, Nguyễn Cao Nguyên, Huỳnh Văn Phụng, Nguyễn Phước, Nguyễn Văn Rô, Nguyễn Siêu, Nguyễn Duy Thanh, Phạm Thông, Nguyễn Trung, Lâm Triết, Thái Tuấn, đã gây tiếng vang không nhỏ trong giới thưởng lãm thủ đô Hoa Kỳ, trong đó phần lớn là khách Mỹ và ngoại quốc.



Triển lãm tranh Võ Đình ở Nữ Ước năm 1967



Đặc biệt tháng 9 năm 1970 có một cuộc triển lãm tranh thủy mặc của họa sư Tá Chi

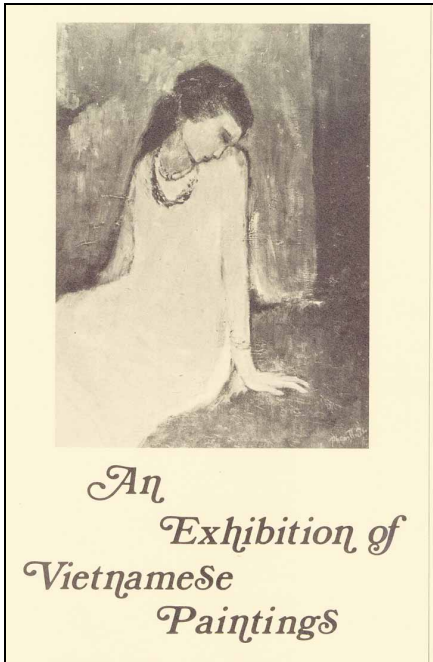
Trương Cam Khải đã được nhiều nhân viên sứ quán Đài Loan ở Hoa Thịnh Đốn tới thưởng lãm và khen ngợi. Về sau cụ thân nạp được một họa sĩ đệ tử người Đài Loan, hồi đó ông đã là họa sĩ thành danh ở xứ ông. Bà Đại sứ Bùi Diễm và phu nhân của ông Nguyễn Hoàn, Sứ thần tại Tòa Đại Sứ cũng tới nhà học vẽ với cụ.



Trong nỗ lực không ngừng phổ biến văn hóa Việt Nam với nước ngoài, chỉ một tháng sau đó, tháng 9 năm 1970, lại có cuộc triển lãm tranh của nữ họa sĩ Lê Thị Ẩn từ Việt Nam qua:

Tháng tư 75

Hãy hình dung những ngày trước và sau 30 tháng Tư, khối kiều bào sống ở hải ngoại đã làm gì khi họ ngồi ở xa nửa vòng trái đất hướng về quê hương trong cơn nguy biến?



“Brochure” in tên tuổi và tranh của các họa sĩ tham dự cuộc triển lãm trên.

Bức tranh ngoài bìa là “LONELINESS” của Phạm Thông -Sơn dầu-39 X 29



Triển lãm tranh thủy mặc của họa gia Tá Chi Trương Cam Khai tại tòa Đại Sứ VNCH-Hoa Thịnh Đốn-1970



Triển lãm tranh thủy mặc của họa gia Tá Chi Trương Cam Khai tại tòa Đại Sứ VNCH-Hoa Thịnh Đốn-1970

Hồi đó tuy phần đất miền Nam là đất tự do, nhưng vì nền thông tin của Việt Nam vẫn còn chưa tối tân lắm. Các phương tiện truyền thông như Internet, Email, Cell phone, Fax... chưa có. Chưa kể mọi sự xảy ra quá mau chóng khiến người trong nước, mặc dù được đọc báo, coi TV, nghe radio... vẫn không thấy được toàn diện bộ mặt chiến trường miền Nam. Nhưng người Việt hải ngoại, nhất là ở Mỹ lúc bấy giờ, được thấy rất rõ từng khu vực quân đội VNCH triệt thoái như từ Cao Nguyên, Kom Tum, Pleiku, rồi Nha Trang, Huế... Họ thấy rất rõ cảnh trốn chạy kinh hoàng trên sân bay Đà Nẵng: Người đeo tòn teng trên bánh xe khiến máy bay không thể kéo bánh xe lên nổi, người bị cán chết trên phi đạo... Thấy cảnh cộng sản pháo kích tới tấp vào phi trường Tân Sơn Nhất, cảnh chiếc máy bay chở các con lai bốc cháy trên trời, cảnh chen chúc, leo hàng rào để vào tòa Đại Sứ Mỹ, cảnh trực thăng chở nặng quá, rớt ở ngoài khơi... vv và vv...

Các sinh viên du học ở Mỹ trong thời điểm này lâm vào cảnh bất lực tận cùng chưa từng có trong đời! Họ chỉ có chiếu khán sinh viên và một sổ thông hành của VNCH được gia hạn năm một. Trong tay không có một phương tiện nào như một công dân Mỹ để có thể cứu gia đình (mặc dầu lúc đó cả người Việt mang quốc tịch Mỹ cũng chẳng biết có thể làm gì!) Họ nhận được những cánh thư nhà cuối cùng viết hồi hải... kể vội tình hình khản trương và an ủi cho con được yêm tâm nơi xứ người... nhưng cả hai bên đều đã cảm thấy cảnh sinh ly tử biệt đang ập đến gia đình họ...

* Đây là một bức thư điển hình của một gia đình từ Việt Nam gửi cho người con đang du học bên Mỹ trong những ngày gần cuối của miền Nam.

Những khiếu nại khắp nơi trên thế giới gọi tòa Đại Sứ Việt Nam tại nước họ cư ngụ, đòi cập nhật tình hình... Ở Tòa Đại Sứ Việt Nam Hoa Thịnh Đốn, ông Đại sứ Nguyễn Tường Phượng đã mời khiếu nại đến giải thích đôi ba lần, nhưng những tin tức Tòa Đại Sứ cho, không giúp bà con vùng Hoa Thịnh Đốn hiểu gì hơn là những gì họ thấy trên màn ảnh TV. Gia đình nào cũng xúm nhau trước TV như bị thôi miên... đỡ dần, không còn muốn làm ăn gì!

Ngày 16-4 bỗng bà con Hoa Thịnh Đốn hết sức ngạc nhiên thấy anh Nguyễn Ngọc Bích, Cục trưởng Cục Thông Tin Quốc Ngoại xuất hiện! Người thì đồn Nguyễn Ngọc Bích đã nhanh chân chạy sang được đến đây, người thì đoán anh là sứ giả của ông Thiệu mang sang một tin mừng gì để trấn an khiếu nại... Các bạn của anh thì biết ngay là anh với bản tính lạc quan cố hữu, lại đang làm một chuyện kỳ quái gì đây, chứ chắc chắn là không đời nào anh lại "chuồn" sớm như thế. Ngay ngày hôm sau Trung Tâm Thông Tin Quốc Ngoại ở Hoa Thịnh Đốn, trực thuộc Cục Thông Tin Quốc

thời cuộc này ở nước ta vẫn còn
ra sao, ai cũng lo lắng lắm. Các anh
mình hay đi lại ở phái đoàn, để
hỏi con có đi được không? Họ đang chờ anh
Saigon 11. 4. 75

Đúng thầy,
Sáng nay được thể con, cách đây 1 tuần, bà
có viết cho con nói, nói mà chỉ nhằn với con
mà thôi, chuẩn bị chút chút rồi. Con thấy quá
bà đang chờ gia đình. Ở bên này cũng chưa
biết làm sao nữa là câu mong chờ, phải
pho hồ cho mình đất con lại này đi về
yên ổn. Con thấy chuẩn bị ra đi đi đang
làm sao? Các bạn của anh như là, Mỹ, Guatemala
họ cũng lên danh sách nhằn vịn của họ và
cha mẹ và con nhằn đi đi đến sang. Con đâu
chúng thì trong phần khó. Hơn qua ông nghĩ
mới là đi đi Guatemala phát đờ, ông ra xem
tỉnh huyện thì con cả Ông Phùng nữa, có cả
hàng ng. chỉ có vài họ, họ là đi về nhằn
đón, phải có sổ thông hành và đi về cấp
chiếu khán với họ mới nhằn đi. Ông P
có petite port cũ 5 năm về trước cũng
vô giá trị. Khi Bà methuit mất nghe con
muốn xuất ngoại phải có S.T. người.
Kỳ này thì con là tay Rly Rly nên phần
đồng nhà phải và gia đình cũng bị kết nhằn
lắm. Gia đình bác Duyệt ở lại thật dở, vì
phải chờ đi Rly được. Và chỉ đi ở đi
nên bác cũng ở nhà đi. Nhà cũng kết ở
2 Ngai - Gia đình Bà + tuyệt, gia đình anh. Nhà
Đan Phượng (bạn anh) qua báo quan Khó của
báo trước Saigon cả. Gia đình Bà Duyệt cũng
vào được cả (chủ anh chỉ kết 1 tháng rồi và
gia đình vô nhằn ở 3 tháng rồi con vô nhằn -
chờ chờ gia đình anh đi đi về về cũng?
thứ con anh Nghĩa, giờ này cũng chưa có
tin tức gì. Nghĩa đi sau lại vô được con me
và vô con thì biết cũng đã ra được rồi lâu
mà Rly biết đi đi hay Rly hay chết, hay
tở lau? Nghĩa cũng lên đơn này, người

Mỗi ngày mục tiêu vận động một khác, vì cả Bộ Ngoại Giao lẫn Quốc Hội cùng đều chưa có thể đưa ra được một chính sách di tản cụ thể để đón tiếp người tỵ nạn Việt Nam! Những kiều bào có công dân Mỹ thì kéo nhau đến Sở Di Trú (Immigration), sắp hàng dài cả mấy góc phố để xin đánh giầy thép (miễn phí) về Tòa Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn, với cái danh sách dài thòng, kê tên những người thân muốn được người Mỹ bốc. Người ta làm đủ mọi cách như một cái máy, mặc dù chẳng biết sẽ có kết quả gì hay không. Có những người làm cả những việc liều lĩnh như đưa hàng chục ngàn Mỹ Kim cho mấy bạn phi công Mỹ, với dự định thuê hẳn cả chiếc máy bay để bay về Việt Nam cứu người nhà, nhưng việc mất miền Nam nhanh quá, chiếc máy bay đó chẳng bao giờ có dịp cất cánh!

Vietnam Refugee Fund, Inc. ra đời

Khi đã ngã ngũ là sẽ có mấy trại được dựng lên để đón người tỵ nạn như các trại Guam, Pendleton, Indiantown Gap, Fort Chaffee, Eglin Air Force Base... thì nhiều kiều bào đã tình nguyện ra các trại tỵ nạn, vừa để giúp một tay với các Hội Từ Thiện, vừa để tìm kiếm người nhà. Các loạt điện thoại, giầy thép, thư từ... lại được tới tấp gửi ra các trại. Các giấy bảo trợ để người nhà được nhập cư vào nơi mình ở lại được gửi đi như bướm bướm. Các Hội từ thiện, các nhà thờ, các tư nhân Mỹ rộng tay đón nhận từng gia đình đến định cư tại các vùng, kể cả ở các nơi hẻo lánh. Còn các gia đình kiều bào thì khỏi phải nói, gần như nhà nào cũng có người nhà đến ở, phần lớn là ông bà, cha mẹ, anh chị em, chú, bác, cô, dì, anh, chị em họ... Nhiều người bảo trợ cả đến bạn bè và gia đình đồng đúc của bạn... Đáng ghi nhận nhất là các chàng rể Mỹ hay chàng rể

người nước khác, đã tận tình, sốt sắng cư mang đại gia đình nhà vợ.

Hội “Vietnam Refugee Fund, Inc.” ra đời trong bối cảnh đó. Hội này gốc gác chính là “Nhóm làm việc thiện nguyện vùng HTĐ” mà tôi đã có dịp nói đến ở trên, tới ngày đó mới được hợp thức hóa và làm việc có tổ chức ở một quy mô lớn. Toà Đại Sứ Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn tặng cho Hội 2,500 Mỹ Kim. Hội đã dùng để đăng một quảng cáo rất khiêm tốn trên báo Washington Post kêu gọi lòng hảo tâm của người Mỹ cũng như Việt trong vùng. Tờ quảng cáo đó tuy nhỏ mà thật hữu hiệu. Địa chỉ của Hội là nhà riêng của chúng tôi. Chiếc điện thoại nhà chúng tôi bị/ được rẻo gọi suốt ngày... Hộp thư ngày nào cũng đầy nhóc... Thôi thì có đủ loại câu hỏi: Nhờ tìm thân nhân, hỏi chính sách cứu trợ người tỵ nạn của chính phủ Hoa Kỳ, hỏi địa chỉ các cơ quan từ thiện, đơn xin trợ cấp, phục vụ y tế miễn phí...v...v... Và đủ mọi loại ý kiến, ủng hộ cũng như chống đối... Tôi xin đơn cử một trường hợp điển hình: Chúng tôi nhận được một phong bì trong có cái ngân phiếu \$1 với vài chữ viết nhanh trên mảnh giấy nhỏ: “This is my last check. I am unempolyed too, but I am ashamed with what happened to your people. Please accept my small donation.” Và một cú điện thoại cũng điển hình chẳng kém: “Hey! Your people should not come here! We have enough problem in this country, we don’t have enough job for every one, we can’t help anyone...” Nhưng được một cái là khi chúng tôi có dịp đi họp với các nhà thờ và các hội từ thiện trong vùng để góp ý kiến với họ tìm giải pháp hữu hiệu tiếp đón và yểm trợ những người tỵ nạn đến vùng này thì các thành viên của Hội bao giờ cũng được hỏi ý kiến và được

quí trọng như một tấm gương của “người Việt cứu người Việt.”

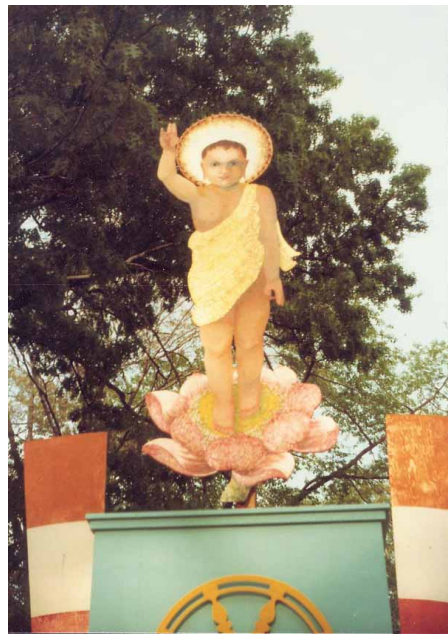
Hội dùng tiền quyên góp được mua hàng ngàn tấm chăn mền, chén ăn cơm, đĩa... đặc biệt là Hội còn thu góp được rất nhiều quần áo, soong nồi, chén đĩa cũ, mới... từ các nhà hảo tâm Mỹ, các kiều bào... để phân phát cho những người tỵ nạn đến định cư ở vùng Hoa Thịnh Đốn. Cuối cùng, chỉ trong vòng ba, bốn tháng đầu mà VRF đã có thể giúp được cho hơn 5600 người tỵ nạn. Trong công tác đi quyên góp quần áo cũ, phải kể đến công lao của chị Túy Cầm Bullington và một bà bạn Mỹ của chị đã hoạt động rất tích cực. Họ cũng mượn được địa điểm trong tầng hầm nhà thờ Westover Baptist Church ở đường Washington Blvd, Arlington, Virginia, làm Trung Tâm phân phát các tặng phẩm này.

Những ngày kế tiếp

Công việc làm của những kiều bào hải ngoại trước 75 từ đó vẫn chưa bao giờ ngừng nghỉ. Khi người tỵ nạn đến định cư ở vùng nào thì kiều bào lại làm công việc dẫn dắt họ (không nhất thiết chỉ là người nhà mình) đi xin trợ cấp, đi khám sức khỏe, tìm nhà, đưa người lớn đi tìm việc hay học nghề, đưa trẻ con đi xin học, can thiệp với cảnh sát những trường hợp bị hiểu lầm, như câu chuyện có một người cha dùng mấy cái miệng lọ nhỏ “giác” ở lưng cho đứa con bị cảm, ông bị cảnh sát bắt để điều tra, vì hàng xóm báo với cảnh sát là ông bạo hành con ông... vv và vv...

Không bao lâu lại đến việc tiếp tay bà con tỵ nạn làm các bữa cơm gây quỹ dựng chùa, cất nhà thờ, lập Trung Tâm Cộng Đồng, lập Hội, ra báo... Tờ báo đầu tiên xuất hiện ở Hoa Thịnh Đốn là tờ Lửa Việt, ra tháng 12 năm 75, rồi tờ Việt Chiến, các tờ Đất Mới ở Seattle,

tiểu bang Washington, tờ Hồn Việt ở Cali...vv... Khi phong trào thuyền nhân ồ ạt tới các trại Hồng Kông và Đông Nam Á, thì kiều bào lại sát cánh với người tỵ nạn đi vận động, biểu tình, viết kiến nghị... đòi quyền lợi cho thuyền nhân được thanh lọc công bằng, được thêm “quota” để vào định cư tại Hoa Kỳ...



Tranh Phật sơ sinh cao 8 feet vẽ trên gỗ do Trương Anh Thụy.



Chùa Giác Hoàng - Lễ Phật Đản đầu tiên của người tỵ nạn tại HTĐ, 1978



Cộng đồng VN biểu tình ở HTĐ vào những năm đầu tỵ nạn. Trong hình, ở hàng đầu chúng ta nhận thấy có cụ bà Đức Thụ ngồi bên phải và cụ bà Kim Y Phạm Lệ Oanh ngồi bên trái.

Lời cuối.

Để khép lại chương sách này, tôi chỉ muốn nói lên một giai đoạn lịch sử bị thương của đất nước, mà trong đó cộng đồng hải ngoại trước 75 đã đóng góp trực tiếp và tích cực, vật chất cũng như tinh thần cho đồng bào tỵ nạn. Dĩ nhiên vẫn phải nói đến vấn đề muôn thuở của con người, là không thể tránh được có

những trường hợp đáng tiếc, đáng buồn... như người tỵ nạn bị người bảo trợ lợi dụng, hay ngược lại... Những chuyện đáng tiếc đã từng xảy ra... không phải hiếm. Nhưng hãy nhìn đại thể bằng con mắt vị tha của nhà Phật để đừng quên đi những trường hợp có ân tình, ơn nghĩa... Tôi đã từng được nghe nhắc lại những lời bạc bẽo như: “Mấy người ấy không bị di tản, không mất mát gì thì có bốn phận phải giúp những người đến sau...” Điều đó đã sai ngay từ trong căn bản. Họ mất mát nhiều chứ. Mất quê hương, mất mồ mả tổ tiên, có người mất cả người thân, hay người thân bị kẹt ở lại... Nhưng, lại cũng cùng một hoàn cảnh ấy, có người đã có thể nói lên những câu làm mát lòng các ân nhân của họ như: “Bác ấy/ chú ấy/ anh ấy/ chị ấy... là kiêu bào ở đây từ trước, họ đã có cơ sở vững vàng nên có khả năng và phương tiện... để có thể rộng mở tấm lòng đối với những đồng bào đến sau kém may mắn...”



Những nét mặt ưu tư trong ngày biểu tình tranh đấu cho đồng bào tỵ nạn tại các trại. Từ trái qua phải: Bà Trương Anh Thụy, BS Trần Quốc Dũng, GS Đặng Đình Khiết, GS Nguyễn Ngọc Bích, ĐS Bùi Diễm, GS Nguyễn Tự Cường.

Một trong hàng trăm, hàng nghìn trường hợp đáng được nêu danh là Tiến Sĩ Nguyễn Hữu Xương ở San Diego, một người đi du học,

sống ở ngoại quốc từ năm 1950, đã đứng ra cùng với nhà văn Phan Lạc Tiếp (một nhân vật tỵ nạn) đáp ứng lời kêu gọi thống thiết của nhà văn Nhật Tiến, và vợ chồng nhà báo Dương Phục, Vũ Thanh Thủy xin cấp cứu hàng trăm đồng bào nạn nhân từ đảo Kra, Thái Lan... Hai ông Nguyễn Hữu Xương và Phan Lạc Tiếp đã thành lập Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển (Boat People S.O.S. Commitee ở San Diego, California) từ năm 1980. Đến năm 1987, vì nhu cầu vận động với Quốc Hội và Bộ Ngoại Giao, Ủy Ban lập thêm chi nhánh ở Washington D.C., để rồi công việc làm của các ông không những vẫn còn được tiếp nối mà còn được phát triển mạnh mẽ theo với nhu cầu của cộng đồng cho tới ngày hôm nay (2011), bởi Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển (Boat People S.O.S.), đã có 14 chi nhánh ở khắp nước Mỹ, mà trụ sở chính ở tiểu bang Virginia.

Nhìn cộng đồng Việt Nam lớn mạnh tại hải ngoại hiện nay, chúng ta hãy hình dung cộng đồng này 36 năm trước. Từ bước đi chập chững với hai bàn tay trắng, với nỗi đau mất mát đè nặng trong tim... đã được đa số kiều bào trước 75, tuy ít ỏi, nhưng đầy lòng thương yêu người ruột thịt, đồng bào, đã sẵn sàng mở rộng vòng tay đón nhận gia đình, họ hàng, bạn bè... Có người đã ra đi vĩnh viễn như trường hợp hai cụ Hoàng Văn Chí ở Bowie, tiểu bang Maryland, nổi tiếng Mạnh Thường Quân trong công cuộc cứu mang người tỵ nạn, và chị Nguyễn Thị Phương Dung, một trong những sáng lập viên của Vietnam Refugee Fund, INC. đã mất ở Cali. Có nhiều người nay đã già... nhưng đã có lúc nghĩ về một quá khứ, không lấy gì làm xa xôi lắm, họ cũng có lý do để hãnh diện nhìn ra chung quanh thấy những em bé--hồi đó còn được ăn sữa, hay học mẫu giáo, tiểu học, trung học... nay đã thành tài, có người nổi tiếng khắp nước, có người có cơ

ngiệp hàng triệu, hàng trăm triệu ... -- mà trước đây đã có lần họ mở lòng chia sẻ từ mỗi thương đau, đến miếng cơm, manh áo, mái nhà... đến niềm tin rằng sẽ có ngày những người được họ cứu mang giúp đỡ đó có một tương lai sán lạn như ngày hôm nay..../.

GHI CHÚ:

* Hình ảnh và thư gia đình do anh Phan Anh Dũng cung cấp.

CƠN BUỒN

Ta đã có những cơn buồn vô tận
Những cơn buồn còn mãi ở trong ta...
Từng đốt xương, máu thịt ứa ngoài da
Hồn thoát xác bay tới miền vô ảnh
Ôi, băng giá trái tim nghìn độ lạnh
Giác miên đông bao thế kỷ chập chùng
Não cân mòn theo sắc thể hư không
Hộp sọ mở cả trăm điều lú lẫn.
Nước mắt ta hòa tan thành biển mặn
Em khơi nguồn mạch muối kết tinh anh.
Cơn buồn ta màu lá sắc chàm xanh
Và bát ngát trong cánh rừng nguyên thủy
Những tháng, những ngày thờ ơ, vô vị
Ta hao mòn và rũ liệt quanh đây.
Ta đã chết những đêm gầy quá khứ
Cơn buồn xưa về bữa kín tương lai
Xương cốt ta đâu? còn trong hầm mộ?
Mở quan tài, ta thấy chẳng đơn sai!
Buồn vô tận nhập vàng trắng thái cổ
Nghe điệu tàn cả đến giấc tàn phai!

HOÀNG SONG LIÊM

(Virginia)

TÔI ĐÃ KHÓC

Tôi đã khóc từ khi rời lòng mẹ
Sợ hay mừng đời đã tiếp nhận tôi
Và từ đó một hình hài nhỏ bé
Lớn khôn dần ngọt sữa mẹ thơm môi

Tôi đã khóc mẹ dải dầu cơ cực
Vì cha còn nặng nợ bước chinh nhân
Nghĩa hy sinh trong tim người thấm rức
Dưỡng dục con còn lận đận nuôi chồng

Tôi đã khóc mẹ ra đi vĩnh viễn
Bởi giặc về cây nát xóm thôn
Những đạn pháo vô tình gây tai biến
Người đốn đau quản quai trút linh hồn

Tôi đã khóc tới ba mươi hôm đó
Tháng tư buồn vụn vỡ bảy mươi lăm
Những con tàu vượt trùng dương sóng gió
Chở bao người mang thống khổ hồn căm

Tôi đã khóc được tin anh ngã gục
Trong trại giam cải tạo tận Miền Trung
Muội mấy năm, niềm tin không rã mục
Chí kiên cường khó lay động chuyển rung

Tôi đã khóc cảnh quê nhà điêu đứng
Mỗi địa danh mang chiến sử oai hùng
Đã bao đời ông cha ta gây dựng
Nay còn chẳng những hoang phế tàn vong

Tôi đã khóc suốt quãng đời lưu lạc
Khóc cho người và khóc cả cho tôi
Bao tang tóc, bao lầm than dân tộc
Đoạn trường này còn khóc mãi khôn nguôi

DỰ THỊ ĐIỂM BUỒN
(California)

I HAVE CRIED

I began to cry on coming into this world here,
When life received me, anyhow for joy or for fear;
And thenceforth a small shape, this, has through skips
Grown up out of Mom's sweet milk and scented lips.

I wept witnessing my Mom so poor and miserable
While my Dad was doing his soldier's duty venerable.
Her sense of sacrifice she kept her heart warm to arouse,
Bringing up their kids and also catering to her spouse.

I then had to moan when my Mom passed away
As the enemy came to hamlets destroy and people slay,
The insensible bullets and shells to human bodies sever:
How she writhed in agony to part from us for ever.

I also sobbed that night, defeated by the hostile drive,
Of the broken April thirtieth, nineteen seventy five.
The frail boats crossed the windy and wavy ocean
To carry those souls with resentment-filled emotion.

I again mourned for my brother who deceased
In the Central Region's prison, ill-treated like a beast;
Over ten odd years his belief had become perpetuation,
Thus had not been shaken by the adverse situation.

I have lamented seeing our homeland distressed,
Each place-name a majestic feat - They are so blessed.
Thru many generations our ancestors' proud display
Now remains, alas! if not decline, mere decay!

I have bewailed all my adrift life - For them, for you,
I have cried for my compatriots and for myself too.
Deaths and grief aim at our people's heart to rend,
In this poor plight I might continue to cry without end.

Translation by

THANH-THANH (California)

TÌM VỀ MÁI NHÀ

Trích trong “Con Đường Văn Hoá”

NGUYỄN VĂN NHIỆM

Ợ đọt cơ cấu tuy đã đơn giản, nhưng vẫn còn dùng số độ, hình tượng, sấm ngữ, nguyên ngôn để diễn tả những nguyên lý cơ bản, nghĩa là không nhiều thì ít vẫn còn dính dấp tới ý niệm, ý hệ, nghĩa là còn cần đến trung gian. Văn hóa chân thật đòi hỏi cái biết bằng trực giác tiếp nhận Minh triết, tức là những tia sáng lóe lên từ tâm thức của chính mình, từ nguồn năng lực vô biên của chính mình, là Minh đức, là Tính Việt. Việt lý hướng dẫn con người tìm về Minh triết để đạt đến đọt **Thế**. Đạo Việt với Minh triết chân thật giúp con người suy tư về Tính Mệnh, sống thuận theo Tính Mệnh (Suất Tính), nghĩa là con người trong cuộc sống hiện thực tự thể nghiệm ngay ở bản thân mình để làm sáng tỏ Nhân Tính, tức là Tính Thế của con người. Đạt được như vậy thì đắc Đạo, nói bóng là “*nhập u thất*”.

Con đường tìm về mái nhà không đơn giản, mà đầy chông gai, cho nên cũng dễ lạc lối. Con người phải lần lượt vượt qua giai đoạn bái vật đồng nhất, ý hệ dị biệt rồi mới tới tâm linh thông hội.

Việt lý, Việt Đạo quan trọng ở chữ Việt, ở hàng ngang thế giới hiện tượng có nghĩa là vượt qua, ở hàng dọc tâm linh có nghĩa là siêu vượt lên. Ở giai đoạn bái vật, con người phải siêu vượt qua trạng thái đồng nhất, tinh thần bầy đàn. Biết phân biệt tốt xấu, lành dữ là bước tiến vượt bậc để thoát khỏi trạng thái hỗn mang ban sơ, nhưng nếu tưởng nhầm đây là đỉnh cao của tâm thức, rồi ra sức duy trì, củng cố thành ra ý hệ thì lại giam hãm con người trong ngục tù đối tượng, đối kháng hàng ngang (duy tâm, duy vật). Con người cần phải siêu vượt nữa để thoát

khỏi ý hệ nhị nguyên dị biệt để tiến đến đọt tâm linh thông hội. Tục ngữ, ca dao phản ánh ra sao con đường tìm về mái nhà?

Việt lý hay Triết lý Việt mang tính lưỡng hợp, cho nên mái nhà có ý nghĩa vật chất cụ thể trong cuộc sống hiện thực mà cũng có ý nghĩa tâm linh. Việt lý là Triết lý nhân sinh, cho nên cứu cánh của nó là Hạnh phúc và tiêu chuẩn để xác định cho mọi giá trị cũng là Hạnh phúc. Mái nhà là cái nôi Hạnh phúc đó:

*“Mắm trước, đước sau, tràm theo sát
Sau hàng dừa nước mái nhà ai?”*

Nhóm chữ “*mái nhà ai?*” buông lơì đó, tuy không xác định, nhưng lại rất có ý nghĩa.

Ở Triết lý nhân sinh thì vai trò của con người rất quan trọng, không như triết học trực vật lấy sự vật độc khối, vô tri làm đối tượng :

*“Tiếc thay hoa nở bên rìng,
Thơm cay ai biết, ngọt lừng ai hay?”*

Đóa hoa chỉ thật tươi thắm, rạng rỡ khi đối diện với con người như một tâm hồn đối diện với một tâm hồn. Mái nhà đằng sau hàng dừa nước không phải là mái nhà vô chủ lạnh tanh, mà là mái nhà của ai đó có bếp lửa hồng ấm cúng, đầy ắp tình nghĩa yêu thương.

Mái nhà là thể hiện Triết lý lưỡng hợp thái hòa, mà tình nghĩa vợ chồng kháng khí như vô số nuộc lạt ở mái nhà:

*“Ngó lên nuộc lạt mái nhà,
Bao nhiêu nuộc lạt thương mình bấy nhiêu.”*

Liên hệ keo sơn gắn bó đó ở cả hàng ngang lẫn hàng dọc như ý tưởng của câu châm ngôn sau đây:

“Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm.”

Xây nhà là sinh hoạt ở đời, đó là chức năng của đàn ông, là phần hiển hiện thuộc Dương, hàng ngang, vòng ngoài. Xây tổ ấm là chức năng của đàn bà, là phần ẩn sâu nơi tâm linh, do đó đàn bà cũng có năng khiếu nắm bắt ánh sáng Minh triết hơn hết. Ca dao đã có nhận xét rất sâu sắc và cho lời khuyên quý báu:

*“Vợ chồng chớ cãi nhau hoài,
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm.”*

Cấu trúc mẫu nhà Việt Nam là nhà ba gian hai chái ứng với cơ số 3-2 như đã nói ở phần cơ cấu: quân bình giữa trong và ngoài theo tỉ lệ 3-2 chứ không như theo mô hình kim tự tháp 1-4.

Cái nhà là một cấu trúc hòa hợp trong liên hệ hỗ tương, chứ không phải là vật độc khối:

*“Có cây mới có dây leo
Có cột, có kèo mới có đòn tay.”*

Nhà có hai mái tựa trên hệ thống khung gồm rui, mè, đòn tay, kèo và hai trụ cột chính ở hai đầu của vì kèo. Hai trụ cột chính này cũng như hai mái nhà là hình ảnh vòng Âm Dương của Dịch. Để đỡ hai mái nhà, ngoài hai trụ cột chính còn có bốn trụ cột nữa ở bốn góc của một hình vuông (hay chữ nhật) là hình ảnh Tứ Tượng. Thêm bốn cột nữa của hai chái thành ra có tám cột, ứng với Bát Quái của Dịch.

Đạo Việt có tính lưỡng hợp, cho nên nếu mái nhà hướng Thiên thì nền nhà hướng Địa; nếu cột trụ, mái nhà vững chắc thì nền móng cũng phải vững chắc tương xứng. Tục ngữ có nói:

“Nhà dột từ nóc dột xuống”

Điều này có nghĩa là dột từ dột căn cơ, từ nóc như Thái cực bao gồm hai yếu tố Âm Dương: hai mái nhà dột nát. Nguyễn Bình Khiêm chỉ cho thấy nguyên do và hậu quả của thảm trạng đó:

*“Nhà dột bởi đâu? Nhà dột nóc,
Nếu nhà dột nóc, thế chon von.”*

Bọn trộm, cướp thường xuyên rình rập, lợi dụng cảnh bất hòa của vợ chồng chủ nhà, chờ thời cơ trổ nóc nhà, đào gạch, khoét vách xông vào nhà vợ vét tài vật của cải.

Người ta thường nói đến từ ngữ kép “*dại dột*” có lẽ do liên hệ căn do, nhân quả, hễ đại thì sẽ đưa đến cảnh dột nát:

*“Nhất là vợ đại trong nhà,
Nhì thời nhà dột, thứ ba nợ đòi.
Xem đi xét lại mà coi,
Nhà dột không sợ, nợ đòi không lo.”*

Nói như thế là do ảnh hưởng tư tưởng Hán Nho trọng nam khinh nữ, cái gì tiêu cực thì gán cho đàn bà, còn đàn ông thì sao, nhất là giới quân tử trong làng Nho, mà giới phụ nữ thường cảnh giác qua ca dao:

*“Chớ nghe quân tử ì òn,
Mà rồi có lúc ẵm con một mình.”*

Thật ra theo tinh thần lưỡng hợp của Việt lý thì liên hệ vợ chồng được đưa lên thành Đạo vợ chồng, lấy sự hài hòa, hòa hợp, hòa thuận làm chủ đạo, chứ không chủ trương cãi nhau, tranh chấp thua hơn. Chủ trương sau, một khi phân hóa đến cực độ, sẽ đưa tới một mất một còn, gia đình tan rã, đường ai nấy đi. Như vậy trách nhiệm xây dựng hạnh phúc gia đình, thành tựu hay đổ vỡ là chung đối với cả vợ lẫn chồng, chứ không riêng ai cả. Từ mái nhà gia đình đến mái nhà của quốc gia (Tổ quốc) cũng có những liên hệ tương tự như thế, trách nhiệm xây dựng và giữ gìn là chung của cả toàn dân thành một khối đoàn kết, chứ không riêng một giới nào, dòng tộc nào, phe nhóm nào cả:

*“Cái nhà là nhà của ta,
Ông có ông cha làm ra.
Cháu con phải gìn giữ lấy,
Muôn năm nhớ nước non nhà.”*

Như vậy, bắt đầu từ việc thông thường như vợ chồng xây dựng mái nhà gia đình lại là vấn đề rất nền tảng, rồi mới mở rộng ra xã hội, quốc gia cho đến cả thế giới, vũ trụ bao la như ý

tưởng của câu nói ở sách Trung Dung: “*Quân tử chi đạo, tạo đoan hồ phu phụ; cập kỳ chí giả, sát hồ thiên địa.*” Xem thế đủ thấy tầm mức quan trọng của Đạo vợ chồng, tuy *thông thường* mà *không tầm thường*, trái lại là vấn đề hệ trọng của nhân sinh thuộc đợt căn cơ là làm sao cho các đối cực do phân ly thông hội lại với nhau. Ca dao, tục ngữ thường dùng hình ảnh con sông để chỉ sự phân ly, ngăn cách đôi bờ và hình ảnh chiếc cầu như phương tiện đưa đến sự gặp gỡ, thông hội.

Hình ảnh chiếc cầu nói lên biết bao ý nghĩa của Triết lý nhân sinh qua nét chấm phá độc đáo gọi là

“*lý qua cầu*” :
*Thương nhau hát lý qua cầu,
Quê em Ninh Quới nặng câu ân tình.
Thương ai cách một cánh đồng,
Đầu xa cho mấy mà lòng vẫn thương.”*

“*Lý qua cầu*” là triết lý siêu việt của Giao Chỉ, triết lý giao duyên “*nặng câu ân tình*”, cho nên “*đầu xa cho mấy*”, “*cách một cánh đồng*”, “*mà lòng vẫn thương*”.

Nói là lý như lý qua cầu, lý đờ đờ, lý con sáo...nhưng thật ra ở đây không duy lý chút nào, mà lý, tình quyện lẩy nhau xoắn xuyết. Đó là nét đặc biệt của Việt lý.

Sau đây là một số ca dao giới thiệu nội dung của “*lý qua cầu*”:

“*Ai đưa con sáo sang sông,
Để cho con sáo số lông bay cao.
Bay cao thời mặc bay cao,
Lưới trời lồng lộng thoát nào đặng đầu.”*

Đây là hình thức của “*lý con sáo*” liên hệ với “*lý qua cầu*” để “*đưa con sáo sang sông*”. Sang sông đã là bước đầu vượt qua sự ngăn cách đôi bờ, rồi lại được “*số lông bay cao*” vào bầu trời tự do. Cái lông là biểu tượng của những thứ do con người tạo ra như tập quán, lễ luật khắc khe như nhà tù giam hãm con người. Số lông là có tự do, nhưng đừng nghĩ rằng đó là tự do tuyệt đối, phóng túng, mà phải hiểu là tự do

trong vòng trật tự, trong khuôn khổ của qui luật tự nhiên là “*lưới trời*” không thể thoát ra ngoài được. Nói như vậy không có nghĩa là chủ trương hủy bỏ tất cả mọi lễ luật của con người, mà chỉ nhắm vào những lễ luật quá cực kỳ khắc khe, phi lý kìm hãm con người. Lễ luật như thế nào để có thể vừa hợp nhân tính, mà cũng không đi ngược với qui luật tự nhiên. Nói cách khác giữa tự do và lễ luật phải có sự quân bình. Quan sát quá trình phát triển của con người từ tuổi thơ cho đến trưởng thành vào lứa tuổi khoảng chừng mười tám, đôi mươi thì thanh niên, phụ nữ bắt đầu có thể được “*số lông*”, cất cánh bay cao. Từ đó họ có quyền tự do bay nhảy, nhưng đồng thời phải chứng tỏ tinh thần tự lập, tự chủ, tự cường, có tinh thần trách nhiệm đối với bản thân, với tha nhân, với đoàn thể, xã hội. Đó là tinh thần của Triết lý lưỡng hợp thái hòa của Đạo Việt.

Bắc cầu sang sông là hình ảnh nói lên sự kết duyên lứa đôi:

“*Xin anh hãy cứ yên tâm,
Trước sau rồi cũng bắc cầu đẹp duyên.”*

Sang sông có nghĩa là đi lấy chồng, đi theo chồng:

“*Ai kêu, ai hú bên sông,
Mẹ kêu con dạ, thương chồng phải theo.”*

hay:

“*Vai mang khăn gói sang sông,
Mẹ kêu con dạ, thương chồng phải theo.”*

Đạo vợ chồng là Đạo hòa hợp tình nghĩa như sự tích trâu cau, nếu không thì coi như “*gãy nhịp cầu sang sông*”:

“*Áo cưới chưa hết nếp tà,
Cô dâu xách nón về nhà cô dâu.
Phải chăng cau đã chán trâu,
Đôi bờ đã gãy nhịp cầu sang sông.”*

Trước khi trở thành vợ chồng, trai gái trải qua giai đoạn hẹn hò, tình tự, ước hẹn gắn bó:

“*Thương anh cởi áo trao tay,
Về nhà dối mẹ, gió bay qua cầu.*

- *Gió bay cầu thấp cầu cao,
Gió bay cầu nào, nói lại mẹ nghe*

Trai gái tán tỉnh, tỏ tình nhau là đề tài rất phong phú khắp mọi miền quê còn để lại dấu vết qua ca dao, mà ở đây đặc biệt nói về “*lý qua cầu*”:

“*Ở gần sao chẳng sang chơi,
Để anh hái ngọn **mông toi bắc cầu**.
- Bắc cầu em chẳng sang đâu,
Chàng về **mua chỉ bắc cầu** em sang.
Chỉ xanh chỉ tím chỉ vàng,
Đủ ba thứ chỉ em sang được cầu.”*

hay:

”*Gần nhà mà chẳng sang chơi,
Để em hái ngọn **mông toi bắc cầu**.
- Mông toi chẳng bắc được đâu,
Em coi **dũi yếm bắc cầu** anh sang.”*

Bên cạnh loại “*lý qua cầu*” có tính cách trêu ghẹo, bỡn cợt, bông đùa, ốm ờ kiêu “*mông toi bắc cầu*” còn có loại đứng đắn, chắc nịch như kiểu “*xẻ gỗ cho dày*” có liên kết với thâm quyền, lễ giáo như sự hiện diện của “*thầy mẹ*”:

“*Anh về **xẻ gỗ cho dày**,
Bắc cầu sông cái cho thầy mẹ sang.
Thầy mẹ sang, em cũng sang theo,
Đò dọc quan cảm, đò ngang không chèo.”*

Câu chót “*Đò dọc quan cảm, đò ngang không chèo*” nói lên tình trạng bế tắc thông thương, biện minh cho sự cấp thiết phải bắc cầu sang sông. Nghĩa bóng là do nhị nguyên thuyết ngăn cách đôi bờ, cho nên cần phải bắc cầu, phải siêu vượt qua nó để có sự thông hội.

Ở một bài ca dao khác cũng lại có câu “Đò dọc... đò ngang”:

“*Bồng bồng mẹ bé con sang,
Đò dọc quan cảm, đò ngang không chèo.
Muốn sang thì bắc cầu kiều,
Muốn con hay chữ phải yêu kính thầy.*”
(*Có bản: Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy)*

Việc học của con cái rất quan trọng, phải nỗ lực vượt qua bao nỗi khó khăn để tâm sự học

Đạo. Trong việc học Đạo, cái tôn chỉ đầu tiên là “*Tiên học lễ, hậu học văn*”, cho nên người học trò tốt lúc nào cũng lấy việc “*yêu kính Thầy*” làm đầu. Tục ngữ có nói:

“*Kính Thầy mới được làm thầy*”

Hơn nữa việc học cao nhất trong truyền thống văn hóa Việt là học Đạo, cho nên phải thể hiện cho được Tính Việt là siêu vượt qua khỏi nhị nguyên để có thể đón nhận ánh sáng Minh triết lóe lên từ sự giao thoa, thông hội giữa những đối cực như Thiên Địa, Âm Dương, Hữu Vô ngay tự thâm tâm của mình. Đó là cái học “*cách vật trí tri*”, “*triêu văn Đạo*” vậy.

Qua cầu không phải dễ dàng theo cả hai nghĩa đen và nghĩa bóng. Ngày xưa chưa có những cầu hiện đại như bây giờ, mà ở thôn quê chỉ có cầu tre không lấy gì làm chắc chắn:

“*Cầu tre lắt lẻo, anh thất theo ruột gan,
Sợ em đi chùa quen đàng,
Rủi em có **mệnh hệ**, lỡ làng duyên anh.”*

Cũng vì thế mà có những câu tục ngữ như sau:

“*Ai có **qua cầu** mới hay*”

hay:

“*Đoạn trường ai có **qua cầu** mới hay*”

“*Lý qua cầu*” không phải chỉ có tính cách một chiều, chỉ nói lên mặt tích cực, mà còn phảng phất đó đây đôi nét tiêu cực của tình đời:

“*Qua cầu ngã nón trông cầu,
Cầu bao nhiêu nhíp dạ em **sâu bấy nhiêu**.”
“*Qua sông anh đứng anh chờ,
Qua cầu anh đứng **ngân ngơ** vì cầu.”
“*Nhớ khi gánh nặng anh chờ,
Qua cầu **anh đợi**, **bây giờ em quên**!”
“*Qua cầu **lột ván tháo đĩnh**,
Người thương ở **bạc** với mình không hay.”****

“Qua cầu lột ván tháo đĩnh” là thái độ tệ hại chẳng khác nào lối suy nghĩ nhị nguyên ngăn cách đôi bờ. Nhưng cũng may, thái độ này chỉ lẻ tẻ như vài giọng ca lạc điệu trong một đại ban hợp xướng, không đủ làm mất đi tính chủ hòa của bản nhạc đồng ca. Thật vậy, là người ai

lại không có ít nhiều lương tri, lòng trắc ẩn tiềm ẩn bên trong . Hãy để giây phút lắng nghe tiếng nói của lương tâm, tiếng gọi của Đạo, mà người bình dân chất phác nào cũng đã tâm niệm và thể hiện qua lời kêu gọi:

“ *Ai ơi! Thương lấy lúc nì,
Nhịp cầu kẻ đứng người đi sao đành.*”

Nói chung thì việc qua cầu khó, cho nên cũng cần có sự dẫn dắt:

“ *Ví dầu cầu ván đóng đinh,
Cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi.
Khó đi mẹ dẫn con đi,
Con đi trường học, mẹ đi trường đời.*”

Con đường đi học, mà lý tưởng là học Đạo khó như vậy, cho nên giai đoạn đầu cũng phải nhờ trường học để tiếp thu kiến thức, giai đoạn tiếp theo là trường đời, tự rút kinh nghiệm chuyên hóa vào hướng tâm linh, để hướng đời về với Đạo bằng nỗ lực siêu việt, nói một cách hình ảnh là “ *qua cầu* “, là “ *bắc cầu* “ để không còn ngăn cách đôi bờ nhị nguyên nữa.

“ *Qua cầu* “ khó như vậy, nhưng quyết tâm tập luyện thì mới xứng đáng là kẻ nam nhi:

“ *Phải chi lấy được vợ vườn,
Tập đi cầu khỉ thêm đường đọc ngang.*”

“ *Đò dọc, đò ngang* “, hay vắn tắt: “ *dọc ngang* “ là những từ ngữ chỉ cặp phạm trù thời gian, không gian, mà những ai có khả năng xuyên suốt qua đó mới thỏa chí làm trai:

“ *Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc
Nợ tang bông vay trả, trả vay* “

(Chí làm trai - Nguyễn Công Trứ)

Ngang chỉ không gian, đất; dọc chỉ thời gian, trời. Đây là cách biểu tượng đơn giản, chứ riêng không gian cũng đã chiếm ba chiều rồi. Vượt qua cây cầu khi ở đời đã khó, mà vượt qua cây cầu như vậy ở trong tâm mình lại càng khó hơn. Nguyên do là vì cầu khi, cầu tre lắt lẻo, gập ghềnh, còn cái tâm thì theo kinh Phật cũng như con vượn chuyền cây. Thế cho nên phải giữ luật quân bình, tránh

chao đảo, sao cho đi trên cầu khi mà cũng ung dung như đang đi trên mặt đất bằng phẳng.

“ *Lý qua cầu* ” cũng có liên quan để huyền thoại: Nguru Lang, chàng chăn trâu, lấy được cháu gái của Trời là Chức Nữ, cô thợ dệt. Sau khi đã thành vợ chồng, Chức Nữ lười biếng việc canh cửi, nên bị phạt, lấy sông Ngân ngăn cách, chỉ cho phép mỗi năm gặp nhau một lần nhờ những con quạ bắc cầu Ô Thước vào đêm Thất Tịch (mùng bảy tháng bảy):

“ *Khi xưa ai biết ai đâu,
Bờ chìm Ô Thước bắc cầu sông Ngân.*”
“ *Vị vì một giải sông Ngân,
Làm cho Chức Nữ chẳng gần Nguru Lang.*”

Bắc cầu Ô Thước mỗi năm chỉ một lần như vậy là quá ít ỏi, con người vẫn còn ngăn cách đôi bờ vì còn luân quần trong vòng nhị nguyên đầy mâu thuẫn, đầy đau khổ, chia ly. Ước vọng của con người đã được tỏ bày qua hai câu ca dao sau đây:

“ *Ước gì sông hẹp vài gang,
Bắc cầu dài yếm cho chàng sang chơi.*”

Từ ước mong sẽ chuyển qua hiện thực bằng hành động nỗ lực. Một khi đã siêu vượt khỏi nhị nguyên rồi thì không còn phân chia cách trở nữa, mọi sự đều hanh thông:

“ *Tìm em chẳng thấy em đâu,
Lội sông chẳng tới, qua cầu lại xa.
Bây giờ trông thấy em ra,
Lội sông cũng được, cầu xa lại gần.*”

Từ trước tới giờ chỉ mới lo thắng vượt nổi bất hạnh là đôi bờ ngăn cách ở “ *lý qua cầu* “, chừng nào qua cầu rồi mới có thể nói đến cái lý “ *nhập ư thất* “:

“ *Cô kia bới tóc đuôi gà,
Năm đuôi cô lại hỏi nhà cô đâu?
- Nhà tôi ở dưới đám dâu,
Ở trên đám đậu đầu cầu ngõ qua.
Ngó qua đám bắp trở cò,
Đám dưa trở nụ, đám cà trở bông.*”

Ngôi nhà bên kia cầu là ngôi nhà Hạnh phúc có đủ cả lý tưởng Chân, Thiện, Mỹ, nào là bấp trở cờ, dưa trở nụ, cà trở bông...

Phải vượt qua sông. Ở kinh Bát Nhã Ba La Mật Đa có câu thần chú như sau:

“*Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha* “: Độ, độ, độ khắp cả, độ sang bên bờ bên kia, **khắp độ tất cả sang bờ bên kia, giác ngộ!**

Vua Trần Thái Tông (1225- 1258), vị vua anh hùng, một học giả, một nhà đạo đức, chẳng những bảo vệ, xây dựng thành công việc nước, mà còn vận động người dân tu học thành một phong trào sống lành mạnh, có đạo đức rộng lớn, để con người có thể vừa thành công vừa thành nhân:

“*Khuyến mời Đức Phật khắp thời không
Chư vị Bồ Tát, Thánh, Hiền, Tăng
Mở lòng từ bi rộng vô cùng
Chứng kiến chúng sinh sang sông* “

(Thiền học Trần Thái Tông- N. Đ. Thục)

Kể quả là nước Đại Việt sau những năm chiến tranh chống ngoại xâm đã thực sự trở nên thanh bình, thịnh trị như cõi Phật, mà Trạng nguyên Huyền Quang Lý Tải Đạo đã diễn tả như sau trong bài phú vịnh chùa Vân Yên:

“*Phen những ôi!*

Tây Trúc đường nào

Năm châu có mấy

Non Linh Thứu ai đem về đây

Cánh Phi Lai mặt đà thấy đây

Vào những cõi thánh thênh thênh

Thoát về lòng phàm phây phây “

(Toàn tập Trần Nhân Tông- L.M. Thát)

Ca dao kêu gọi đồng bào, những công dân cùng chung một bọc huyền sử, anh em cùng một khí huyết hãy noi theo truyền thống văn hóa của Tổ tiên:

“*Anh em một khí huyết phân,*

Cũng như người có tay chân khác gì.

Ai ơi lấy đậy mà suy,

Có câu đường lệ trong thi để truyền.”

Đường lệ là lẽ luật trong gia đình, nhưng “*đường lệ trong thi* “ có ý nhắc đến ý nghĩa của hoa đường lệ trong Kinh Thi:

“*Đường lệ chi hoa, thiên kỳ phản nhi. Khởi bất nhĩ tư, thất thị viễn nhi.*

Từ viết: Vị chi tư già. Phù hà viễn chi nữu?”

(Luận Ngữ. chương IX: Từ Hãn, tiết 29)
Ý nghĩa: Cây đường lệ đơm bông. Hoa lay động qua lại (*). Há chẳng tưởng nhớ ai đó sao. Ngất vì nhà ở xa mà không tới thôi.

Đức Khổng Tử bèn nói: Như vậy là chưa thật tưởng nhớ đó. Nếu thật tưởng nhớ thì có xa gì đâu?

(*)Hoa đường lệ nở trước, búp sau, khác với các hoa khác thường búp trước nở sau. Hiện tượng đó, nói tổng quát là tác động một mở, một đóng theo nhịp điệu căn cơ của Dịch: “*nhất hạp nhất tịch*”.

Quên mất “*phản* “ mà chỉ có “*thiên* “, có qua mà không có lại, có mở mà không bao giờ biết đóng, thì làm sao có mở nữa để cho sự vật luôn luôn mới mẻ, khởi sắc. Chỉ có đi mà không có về, thì làm sao không trở thành người vô gia cư, cả đời không tìm thấy được mái nhà Hạnh phúc (Chân lý thật sự không theo đường thẳng, chỉ có hoặc mở , hoặc đóng, mà vừa có mở, vừa có đóng theo như dạng hình sin).

“*Vị chi tư già* “: Chưa thật tưởng nhớ, tức là chưa thật sự suy tư vì còn luẩn quẩn trong vòng danh lý nhị nguyên, chọn một, bỏ một. Chữ “*thiên* ” trong “*thiên kỳ phản nhi* “ có nghĩa là nghiêng lệch về một bên, mất quân bình. Chữ “*phản* “ là quay về, ý nói từ bỏ lối thiên về một chiều, mà bao gồm cả hai yếu tố đối nghịch để có quân bình. Hệ Từ nói: “*Nhất âm nhất dương chi vị Đạo* “. Âm dương giao thoa, hòa hợp thì mới đạt Đạo, đạt Nhân tính. Như vậy, chỉ khi nào quay về với nguyên ngôn đầy tính viên dung nhất quán thì mới thật sự có suy tư , lúc đó mới thấy nhà đâu có xa. Khi đầu mỗi âm dương giao thoa, thông hội với nhau

ngay tận tâm tâm con người thì đạt Đạo, nói bóng là “*nhập u thất*”.

Xin lập lại bài ca dao đã nói ở đoạn trước, hai câu đầu:

“*Tìm em chẳng thấy em đâu,*

Lội sông chẳng tới, qua cầu lại xa.”

cho thấy khi chưa có sự gặp gỡ, giao hòa thì cái gì cũng xa cách, ngược lại khi đã có thông hội rồi thì xa hóa ra gần:

“*Bây giờ trông thấy em ra,*

Lội sông cũng được, cầu xa lại gần.”

Cái nhà ở ngay bên kia sông, “*ở trên đám đậu đầu cầu ngó qua*”, vậy mà không dễ gì vào được, là vì khuynh hướng chạy theo lượng, trục vật loanh quanh ở vòng ngoài thuộc đợt Dụng độc chiếm tâm hồn người ta, không còn biết chi đến phẩm ở đợt Thể ngay trong nội tâm. Khuynh hướng chạy theo lượng là do lòng tham dục của con người không bờ bến, cho nên dễ đưa đến thiên lệch, nếu biết quay trở lại thì mới lấy lại quân bình như người xưa đã khuyên:

“*Nhân dục vô nhai, hồi đầu thị ngạn*”

Thử quan sát và nhận xét tương quan giữa phẩm và lượng của loài động vật:

“*Chim với phượng kể loại hai chân,*

Thú với kỳ lân kể loại bốn vó.”

“*Con của tám cẳng hai càng,*

Một mai, hai mắt rõ ràng con cua.”

Loài chim, nhất là chim phượng có hai chân, so với loài thú bốn chân, loài cua tám cẳng, là loài mà văn hóa Việt xem là cao quý. Cho nên người Việt nhận mình là dòng giống Lạc Hồng, Khí tu Tiên đắc Đạo thì huyền thoại gọi là Vũ hóa, nghĩa là mọc cánh thành Bạch Hạc.

Vật có bốn chân cho dù được xếp vào vật linh như kỳ lân, rùa (quì) cũng đứng sau chim về phẩm:

“*Thiếp gặp chàng như Ngưu Lang gặp hội,*

Chàng gặp thiếp như Hạc độ lưng quì.”

Hạc hai chân đứng trên lưng rùa bốn chân cho thấy tương quan lượng- phẩm nói trên: loài

hai chân cao quý hơn loài bốn chân. Bây giờ thử so sánh những con số trên (số chân cẳng của loài vật) với số độ các vòng của Dịch. Có thể nói rằng tám cẳng ứng với vòng Bát Quái, bốn chân ứng với vòng Tứ Tượng, hai chân ứng với vòng Lưỡng Nghi. Rồi Lưỡng Nghi lại nằm trong Thái Cực và Thái Cực bao gồm Lưỡng Nghi, cho nên có thể nói hai mà là một, một mà là hai. Như vậy là càng ra vòng ngoài bao nhiêu, càng trở nên phức tạp bấy nhiêu. Đó là đợt Dụng nghiêng về lượng và tâm thức thì thu hẹp ở đợt Tiểu ngã. Càng đi vào vòng trong, thì càng trở nên đơn giản, phẩm nảy nở ở đợt Thể và tâm thức mở rộng đến vô biên gọi là “*vũ trụ chi tâm*”. Ngạn ngữ triết có nói: “*Nội hàm càng nhỏ, ngoại hàm càng to*”, nghĩa là càng vào nhỏ bao nhiêu, sức bao quát càng mở rộng bấy nhiêu. Nếu đi vào cùng cực đến **trống không**, thì sức bao quát sẽ **gồm thấu vũ trụ**:

“*Anh muốn trông, anh lên Ba Dội anh trông,*

Một Dội anh ngồi, hai Dội anh trông.

Trống thu không ba hồi điểm chỉ,

Anh ngồi anh nghĩ, thờ ngắn than dài.

Trúc nhớ mai thùyền quên nhớ khách,

Quan nhớ ngựa bạch, bóng lại nhớ cầu.

Anh nhớ em đây biết bao giờ được,

Đạo vợ chồng chẳng trước thời sau.

Trăm năm xin chớ quên nhau.”

Ngày xưa, đến gần tối quân lính phòng vệ đi khắp trong thành kiểm soát, khi biết chắc không có kẻ gian trà trộn vào trong thì mới ra hiệu cho đánh ba hồi trống thu không để báo cho mọi người biết là đã tới lúc đóng cửa thành. Thu không ý nói trong thành không có gì bất an, nguy hiểm cả, mọi người sẽ có một đêm yên nghĩ an lành.

Cái trống tự nó đã có ý nghĩa là trống, là không rồi, là biểu tượng của Tâm không, không còn vương vấn tư dục, ý hệ, thành kiến, cho nên tiếng trống (do người gióng lên) vang dội cùng khắp, thông hội cả Thiên Địa. Ba Dội, Ba hồi trống chỉ Tam Tài: Thiên, Địa, Nhân.

Trong Đạo vợ chồng, nếu mỗi người đều tự giác kiểm soát, giữ tâm thanh tịnh, tánh thường rộng lặng, không để sót một vết vẩn đục nào, cũng như trong thành ban đêm không có kẻ gian tế rình rập, thì sẽ bảo đảm trăm năm hạnh phúc.

Thư bàn thêm về đề tài “ *nhà trống* “:

“ *Gió vào nhà trống* “

Thông thường thì nhà trống trơn là nhà nghèo khó, chỉ tình cảnh không may, cho nên mới nói:

“*Tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống*“

Nhưng lúc có giặc ngoại xâm thì ngôi nhà trống lại trở thành thế chiến lược độc đáo. Gió là luồng gió dữ, chỉ giặc xâm lược hung bạo khi tràn vào “ *nhà trống* “ thì sẽ ngỡ ngàng vì không có gì để cướp phá, do đó có sách lược “ *tiêu thổ kháng chiến* ”, “ *vườn không nhà trống* “.

Bên cạnh ý nghĩa triết lý của cái trống, ba hồi trống thu không, nhà trống, ca dao còn nêu lên thắc mắc vì sao gọi là trâu là trâu không?:

“*Bánh cã mâm sao em kêu là bánh ít ?*

Trâu cã chợ sao em gọi là trâu không ?”

Trâu không do sự tích trâu cau: Thời xưa có hai anh em họ Cao giống hệt nhau, rất thương nhau, người anh tên Tân, người em tên Lang. Cha mẹ chết sớm, hai anh em sang học, ở trọ nhà thầy là đạo sĩ Lư Huyền. Họ Lư có người con gái tên Liên, sau đó kết duyên với người anh, tình ái mặn nồng. Từ đó, người em nhận thấy cách đối xử của anh mình không được như xưa, lại thêm có sự nhầm lẫn của Liên do sự quá giống nhau của hai anh em, nên người em buồn bã bỏ nhà ra đi. Đến một bờ suối lớn, người em ngồi than khóc đến chết, hóa thành cây cau. Người anh đi tìm em, đến bờ suối cũng chết, biến thành tảng đá vôi ngay dưới gốc cây cau. Rồi người vợ sau đó cũng đi tìm chồng, thấy chồng chết, cũng chết theo, hóa thành dây trâu không bò quấn quýt trên tảng đá vôi. Họ Lư thương con đi tìm, đến đó khóc lóc, rồi lập đền thờ, người qua lại mền gương anh em hòa

thuận, vợ chồng tình nghĩa, nên đền thờ luôn có nhang khói ấm cúng.

Vua Hùng Vương một hôm đi tuần hành qua đó, dừng lại nghỉ chân, tránh nắng, hỏi ra mới biết sự tình. Nhà vua sai hái trái cau bỏ ra và vãi lá trâu dâng lên cho Ngải. Sau khi nhai thấy có vị thơm ngon, nhổ lên tảng đá vôi thấy hiện ra sắc đỏ tươi biết là những vật quý có đầy đủ ý nghĩa Đạo lý, nên nhà vua sai đem về gây dựng và truyền bá trong dân gian. Từ đó có tục ăn trâu.

Liên có ý nghĩa là liên hệ, như lá trâu không quấn quanh tảng đá vôi và cây cau, liên kết Kim với Mộc thành Đạo Thái Hòa biểu thị qua sắc đỏ thắm đầy tình nghĩa nhân bản, tức là vượt tới Đạo Huyền (Lư Huyền), Đạo huyền vi vô sắc, vô thanh, vô xúc (vô khứu), tức là Đạo của Tánh Không.

Ngoài ra, mặc dầu có lần nhầm lẫn trong sự nhận diện chồng, khi hai anh em đi rầy về, nhưng Liên không hề có ý tà dâm, tâm của nàng không hề vẩn đục. Có lẽ đó là ý nghĩa siêu hình của lá trâu không.

Bây giờ xin nói đến hình ảnh những đóa hoa: “*Ở đời chi tốt bằng sen,*

Quan yêu dân chuộng rã bèn cũng hư.”

Rã bèn cũng hư : Cánh hoa ròi cũng khô héo, rụng khỏi đài hoa. Với cái nhìn phiến diện, đặt trọng tâm ở vẻ đẹp hình sắc của đóa hoa, thì khi cánh hoa héo tàn, rơi rụng gọi là hoa hư, rồi coi đời như tuồng ảo hóa, nhưng thật ra quá trình sống của cây hoa có hư đâu? Cánh hoa với màu sắc tươi đẹp ứng với vòng ngoài, đợt Dụng, còn nhụy ở vòng trong với cặp nhụy đực, nhụy cái ứng với cặp Lương Nghi hòa hợp. Cánh hoa có héo tàn, có rơi rụng mới chuyển đổi qua thời kỳ kết quả thành gương sen. Hoa và quả liên hệ với nhau như hình với bóng , cho nên mới gọi là luật nhân quả và hoa sen cũng gọi là Liên hoa. Phật giáo có kinh Pháp Hoa hay Diệu Pháp Liên Hoa, mượn Liên hoa để tỉ dụ diệu lý thanh tịnh, do dự mà biết bản tâm Diệu Pháp. Hoa sen cao quý vì mọc nơi chốn bùn lầy, mà vẫn trong sạch thơm tho:

*“ Trong **dầm** gì **đẹp** bằng **sen**,
Lá **xanh** **bông** **trắng** lại **chen** **nhị** vàng.
Nhị **vàng** **bông** **trắng** là **xanh**,
Gần **bùn** mà **chẳng** **hôi** **tanh** **mùi** **bùn**.”*

Hoa sen mọc lên từ ngay nơi bùn lầy, nước đọng, tỏa hương thơm ngát mà không chút hôi tanh mùi bùn, cũng như Đạo pháp sáng ngời ngay trong thế gian chứ ở đâu xa. Phật giáo Đại Thừa chủ trương: “ *Phật pháp bất ly thế gian pháp* “, còn Tiểu Thừa chủ trương: “ *Vạn pháp giai không* “ xem cuộc đời là tuồng ảo hóa. Đền đây, xin lập lại tương quan giữa hai chữ “ thiên “ và “ phân ” ở hoa đường lệ: Thiên là nghiêng lệch, mà nghiêng về bên ngoài là khuynh hướng lượng, là đa tạp, cho nên phải biết “ phân “, quay vào trong, hướng về phẩm, hướng về đơn giản đến không. Nhưng nếu chấp vào không, coi không như tuyệt đối, chỉ có vào mà không có ra, thì lại cũng rơi vào “ thiên “rồi, từ đó có thái độ tị thế. Thật ra chân không không phải là không có gì hết, mà chỉ là tâm không, tâm giác ngộ, không bị ràng buộc bởi tư dục, thành kiến, ý hệ, thông hội với cái Đức, là nguồn năng lực vô biên của Trời Đất, cho nên gọi là Chân Không Diệu Hữu.

Ca dao phản ảnh tính cách nghệ thuật và triết lý truyền thống Việt hơn hết qua tiết điệu căn cơ, sự vật không rơi vào thể cô đơn, độc khối, mà luôn luôn có liên hệ với nhau, nhưt là mối liên hệ đó gắn bó với tâm tình của con người, cho nên sự vật trở nên sinh động:

*“**Đêm** **qua** **hoa** **nở** **nhụy** **vàng**,
Sáng **ngày** **thiếp** **thấy** **bóng** **chàng** **áo** **xanh**.”*

Hoa nở là thể hiện sự thành tựu của Tạo Hóa, là tặng vật trang nhã cho cuộc đời:

*“**Chữ** **rằng**: “**Thiên** **hữu** **tứ** **thời** “,
Ngày **thời** **hoa** **nở**, **tối** **trời** **hoa** **thơm**.”*

Hoa nở là thể hiện ý tượng siêu hình của Đạo Việt, là Đạo Thái Hòa, hòa hợp Thiên- Địa, Âm- Dương, cho nên việc sanh đẻ gọi là “ *khai hoa nở nhụy* “:

*“**Trái** **bỏ** **hòn** **trong** **tròn** **ngoài** **méo**,
Trái **sầu** **đâu** **trong** **héo** **ngoài** **tươi**.
Anh **ngồi** **trường** **học** **nghĩ** **tới** **chuyện** **nhà**,
Mẹ **anh** **thì** **già**, **con** **anh** **thì** **dại**.
Vợ **lại** **nghe** **n** **thai**,
Mai **kia** ****nhụy** **nở** **khai** **hoa****,
Miếng **com** **bát** **nước** **biết** **ai** **cậy** **nhờ**.”*

Nói về chữ Thời thì hoa nở quan trọng ở Hòa Thời, chứ không phải ở Gian Thời có phân biệt trước sau, Xuân Thu, mà do *thời tiết ôn hòa*, không quá lạnh, cũng không quá nóng. Nếu chưa rõ cái lý đó thì sẽ thắc mắc:

*“**Hoa** **khoe** **hoa** **nở** **lúc** **xuân**,
Cớ **sao** **cúc** **lại** **muộn** **màng** **mùa** **thu**?”*

Theo thiên ý, hỏi ở đây là gợi ý chứ không phải hẳn là thắc mắc.

Hoa nở phải đúng thời (đúng thì), cho nên con người cũng phải hành sự đúng thời, không được quá sớm:

*“**Rừng** **hoang** **sóc** **nhảy** **tưng** **bùng**,
Hoa **chưa** **nở** **nhụy**, **bướm** **đừng** **lao** **xao**.”*

cũng không được quá muộn màng:

*“**Tay** **cầm** **nhánh** **dừa**, **lệ** **ứa** **hai** **hàng**,
Hồi **thuở** **xuân** **xanh** **sao** **anh** **không** **kết** **bạn**,
Để **hoa** **nở** **nhụy** **tàn** **mới** **làm** **bạn** **với** **em**.”*

Chữ Thời quan trọng lắm thay! Vậy tiết mục chữ Thời trong ca dao sẽ được giới thiệu riêng tiếp theo sau đây.

(còn tiếp)

Cước Chú:

Nguồn sưu tầm ca dao, tục ngữ:

- Tục Ngữ Phong Dao của Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc.- Tự điển điện tử Ca dao Tục ngữ của Hà Phương Hoài.

NGUYỄN VĂN NHIỆM
(Germany)

ĐÍNH CHÍNH

Cổ Thơ số 53, đã in thiếu dòng thứ ba của đoạn hai trong bài thơ sau đây. Vậy Cổ Thơ xin đăng lại và xin lỗi tác giả cùng quý độc giả.

CỔ THƠ

GIÓ CHUYỂN SANG MÙA

Gió đã chuyển sang mùa
Gọi mây giăng đầu núi
Những cành thu trơ trụi
Lá xa cành trong mưa

Gió đã chuyển sang mùa
Cành đông đang trút lá
Mình ta ngơ ngác lạ
Hỏi người ấy về chưa?

Gió đã chuyển sang mùa
Đêm nằm nghe lá đổ
Ai đi về cứ ngỡ
Mang hơi ấm ngày xưa.

KIỀU ANH
(Minnesota)

BỐN BÀI TỬ TUYỆT

Tưởng

Cứ tưởng già khô nước mắt rồi.
Lạnh nguồn máu nóng, oán thù nguôi.
Vẳng nghe tiếng khóc bên kia biển.
Nước mắt lưng tròng, máu lại sôi.

Nhớ

Đời mấy ân nhân, mấy cố nhân.
Bốn phương bè bạn mấy trăm ngàn.
Mai đây già cả, rồi quên hết.
Vẫn nhớ ba thằng Nhiệm, Hữu, Trân.

Đường về

Nếu biết trên mây cũng có đường
Tự do lồng lộng gió mười phương.
Chí trai tung cánh bằng muôn dặm.
Thì hương bay nào đến cố hương?

Cũng thế thôi

Vào cuộc tranh đua khóc lộn cười
Sóng cuồng vỗ ngược, nước trôi xuôi.
Thịt xương, sông núi hay tro đất
Thắng bại sang hèn cũng thế thôi.

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ
(North Carolina)

THUYỀN MÂY

Ai chở mây về đây trưa nay ?
Đem giăng giăng xám phủ vai gầy
Đem cô liêu dật nghiêng giòng tóc
Ai chở mây về đây trưa nay ?

Mỏi mắt dỗi nhìn chân trời tím
Cô lẻ đường mây cánh chim bay
Tay cài vạt áo thu sương lạt
Gió lộng vờn theo khói hương say

Giá buốt tuôn tràn giòng huyết lệ
Bồng bênh theo vận nước lưu ly
Má hồng phai lạt dần hương sắc
Bước ngập ngừng đau phút phân kỳ

Anh nằm đó ôm trong lòng đất mẹ
Trên hoang tàn đổ nát mảnh quê hương
Ai gieo tang tóc thê lương ?
Cho em cô phụ bên đường gió bay ?

Ai chở mây về đây trưa nay ?
Đem giăng giăng xám phủ vai gầy
Đem cô liêu dật nghiêng giòng tóc
Ai chở mây về đây trưa nay ?

VÂN HẢI
(*Pháp Quốc*)

BARK OF CLOUDS

Who has brought here dark clouds this afternoon?
To spread over the young girl's shoulders spare,
And stick solitude slantingly over her head of hair.
Who has brought here dark clouds this afternoon?

Her eyes get tired of the violet horizon scrutinizing
Where flies a lonely bird she can't help realizing.
Her hand closes the robe flap of autumn dim dew
That the wind raises the perfumed incense through.

Hot tears with cold pain agony causes to impregnate,
She drifts along with her country's unfortunate fate.
The roses in her cheeks gradually lose coloration,
She hesitates her steps sore at the time of separation.

There he rests, embraced in his dear native soil
On the devastated fatherland for the enemy to spoil.
Who is responsible for deaths and dole to betide?
Leaving her a piteous widow on the windy roadside.

Who has brought here dark clouds this afternoon?
To spread over the young girl's shoulders spare,
And stick solitude slantingly over her head of hair.
Who has brought here dark clouds this afternoon?

Translation by
THANH-THANH (California)

TRẦU CAU TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA DÂN TỘC

PHẠM THỊ NHUNG

nguồn gốc mang nhiều ý nghĩa thâm thúy.

Ngày nay, qua nhiều sách vở và các tài liệu khảo cổ, người ta được biết trầu cau là hai loại cây đã xuất hiện rất lâu đời ở các vùng Trung Á, Đông Nam Á và ở một số quần đảo trên Thái Bình Dương. Tại các nơi đây đã có nhiều dân tộc có tục ăn trầu, như các dân tộc thiểu số xưa ở miền nam nước Trung Hoa, tức người Trung Hoa miền nam ngày nay, và các dân tộc Thái Lan, Miến Điện, các dân tộc Việt-Mên-Lào, kể cả các dân tộc thiểu số Thái, Tày, Nùng, Mường, Dao, Thượng trên bán đảo Đông Dương, cùng các dân tộc trên quần đảo Nam Dương, Mã Lai, Phi Luật Tân; tại Ấn Độ, nhiều nơi dân chúng cũng có tục ăn trầu.

Có lẽ người xưa, do kinh nghiệm mà có, đã biết sử dụng vôi, trầu, cau, cũng như các loại lá, rễ, quả của nhiều thứ cây khác tìm được để bảo vệ sức khỏe, phòng ngừa hay trị bệnh. Quả thực, ăn trầu đã giúp cho cơ thể được ấm nóng chống lạnh, chống sơn lam thủy khí; ăn trầu lại sạch miệng, răng lợi và xương cốt được bồi dưỡng, vững mạnh. Riêng tại xứ ta, tục ăn trầu tất nhiên đã có rất sớm, ngay tục dùng trầu cau làm sính lễ cưới hỏi thay muối (vì người xưa cho muối là quý nhất) có thể cũng có đã lâu, nhưng phải đợi đến cuối thế kỷ thứ XV, sách Lĩnh Nam Chích Quái của Trần Thế Pháp ra đời, nó mới được ghi chép lại thành một truyện tích rõ ràng, có một

Sự tích trầu cau - Ý Nghĩa

Vào thời xa xưa, có hai anh em nhà họ Cao, một người tên Tân, một người tên Lang (tân lang có nghĩa là cây cau) rất mực thương yêu nhau. Khi cha mẹ qua đời, hai anh em đến trọ học nhà ông thầy họ Lưu.

Thấy Tân và Lang vừa học giỏi, vừa đẹp người đẹp nết, ông thầy yêu quý như con. Cô con gái của thầy cũng đem lòng quyến luyến, muốn chọn người anh làm chồng.

Hai anh em Tân và Lang sát tuổi nhau, dung mạo lại giống nhau như khuôn đúc, cô gái không sao đoán được ai là anh, ai là em. Nhân dịp biếu cháo, cô cố ý chỉ đưa tới một bát cháo với một đôi đũa rồi rình xem, thấy Lang cung kính mời Tân ăn trước cô mới biết Tân là anh, và xin cha được gả nghĩa cùng chàng.

Vợ chồng Tân và Xuân Phù (tên cô gái, xuân phù có nghĩa là trầu không mùa xuân) sống rất hạnh phúc. Hai anh em Tân và Lang vẫn ở bên nhau, nhưng Lang nhận thấy từ ngày anh có vợ, tình anh đối với mình không còn quyến luyến như xưa; trong khi ấy người anh vô tình không hề hay biết. Đã thế lại xảy ra chuyện hiểu lầm. Một hôm hai anh em đi làm đồng về muộn, Lang về trước, nàng Lưu tưởng chồng, chạy ra vồn vã âu yếm. Lang vội lên tiếng, cả hai hiểu là nhầm nên rất ngượng. Tân về, biết chuyện, để dạ nghi ngờ, từ đó tỏ ra lạnh nhạt với em hơn. Lang buồn tủi âm thầm bỏ nhà ra đi. Chàng lang thang trong rừng cho tới khi kiệt sức, chết đi hóa thân thành cây cau bên bờ suối vắng. Thấy em không về, Tân ân hận, xót xa. Chàng lặng lẽ lên đường tìm em. Tân cũng đã tới

bờ suối nọ, ngồi bên cây cau than khóc. Khi thân xác rũ liệt, chàng chết hóa thân thành tảng đá vôi, nằm sát bên gốc cau. Nàng Lư chờ chồng mãi chẳng thấy trở lại, quá nhớ thương nên đi tìm. Một chiều kia nàng cũng tới được bờ suối định mệnh. Nàng ngồi trên tảng đá khóc miết, đến khi hồn lìa khỏi xác thì hóa thân thành cây trầu không, leo bám trên thân đá. Gia đình họ Lư đi tìm con, được biết chuyện bèn lập miếu thờ. Người đương thời rất cảm kích trước tình anh em khăng khít, tình vợ chồng thắm thiết, thủy chung của anh em vợ chồng họ Cao, nên thường đến đốt nhang, chiêm bái, cầu cúng.

Một hôm vua Hùng thứ tư nhân dịp tuần du qua đây, thấy có miếu thờ, lại được dân sở tại kể cho nghe câu chuyện thương tâm kia thì vô cùng cảm động. Ngài bảo lấy trầu cau ăn thử, mới khám phá ra một mùi vị thơm cay nồng ấm, và khi nhỏ nước cốt trầu xuống tảng đá vôi, liền thấy hiện ra sắc đỏ tươi như máu, nhà vua cho là quý, bèn truyền lấy giống về trồng; xa gần bắt chước làm theo. Ngài còn xuống lệnh cho thần dân, từ nay sẽ nhất thiết dùng trầu cau trong các dịp cưới hỏi, và trong các buổi hội họp lớn, nhỏ. Tục ăn trầu ở nước ta có từ đó.

Sau khi đọc sự tích Trầu Cau trong L.N.C.Q., ta nhận thấy, truyện được chép lại không những có kết cấu chặt chẽ, lại phối hợp được cả hai yếu tố hiện thực lẫn huyền hoặc một cách khéo léo. Như thế, tác giả của nó đã khiến một câu chuyện truyền khẩu vụn vặt, còn mờ nhạt trong dân gian trở thành một truyện cổ tích có đầu đuôi, vừa lý thú hấp dẫn, vừa hàm chứa nhiều ý nghĩa thâm thúy. Quả vậy, ở giai đoạn đầu, truyện có tính hiện thực với dấu vết thời đại, với những

tên tuổi rõ ràng có ý nghĩa, với những tình tiết hợp tình hợp lý, tự nhiên. Ở giai đoạn cuối, truyện trở nên huyền hoặc, hai anh em họ Cao và vợ người anh vì không hiểu nhau nên đã tự chia lìa. Chỉ đến khi cả ba người cùng chết đi và chết bên nhau, người em hóa cây cau, người anh hóa phiến đá vôi và vợ người anh hóa cây trầu không, họ mới có được sự cảm thông hoàn toàn; từ nay họ sẽ mãi mãi gắn bó bên nhau và kết hợp thành một quả miếng trầu tình nghĩa. Ở đó, một dòng nước đỏ tươi như máu được tiết ra, tượng trưng cho tình gia đình muôn đời thiêng liêng, bền chặt.

Và cũng vì sự tích Trầu Cau có ý nghĩa sâu sắc như thế nên tục ăn trầu của dân ta đã được thăng hoa, trở thành một mỹ tục, mang tính chất đặc thù của một nền văn minh cổ Đông Nam Á.

Tục Mời Trầu

Tục mời trầu ở xứ ta cho thấy, trầu cau là phương tiện không thể thiếu trước nhất trong những nghi thức giao tế hằng ngày ngoài xã hội. Vì “Miếng trầu là đầu câu chuyện”, là “đầu trò tiếp khách”, nên chỉ vừa gặp nhau, sau mấy tiếng chào hỏi, người ta liền mở trầu mời ăn rồi mới nói gì thì nói, bàn gì thì bàn :

- Có trầu thì giờ trầu ra

Trước là đãi bạn, sau ta với mình.

Người ta còn mời trầu để bắt chuyện làm quen:

- Tiện đây ăn một miếng trầu

Hỏi rằng quê quán ở đâu chẳng là?

- Xưa kia ai biết ai đâu,

Chỉ vì miếng thuốc, miếng trầu nên quen.

Lại nữa, người xưa thường cho rằng, ăn trầu lúc nào là được hưởng chút hương vị cuộc sống lúc đó, kéo thời gian vùn vụt trôi qua, già lúc nào không biết.

- Lại đây ăn một miếng trầu

Nữa mai tuyết nhuộm mái đầu huê râm.

Trong phạm vi tình yêu và hôn nhân, tục mời trầu đã được người bình dân khai thác triệt để. Vì

trầu cau còn là lễ vật cưới xin nên những hình ảnh, màu sắc, hương vị của trầu, cau, vôi... luôn luôn gợi ý cho thanh niên nam nữ liên tưởng tới những chuyện tình yêu, chuyện duyên phận lứa đôi:

*- Vào vườn hái quả cau non,
Anh thấy em giòn muốn kết nhân duyên.*

*- Vôi nong trầu thắm ai ơi,
Gá duyên chồng vợ ở đời trăm năm.*

*- Trầu xanh, cau trắng, chay hồng
Vôi pha với nghĩa, thuốc nong với duyên.*

Thế nên, việc mời trầu người khác phải nhiều khi phải hiểu là một cách tỏ tình gián tiếp, và đồng thời, cũng để ước thử xem tình cảm người ấy đối với mình ra sao.

Thường thì người con trai chủ động, mời trầu trước:

*- Gặp nhau ăn một miếng trầu
Gọi là chút nghĩa về sau mà chào.*

và họ đã không quên lợi dụng lúc mời trầu để tán tỉnh các nàng:

*- Trầu lên nửa nọc trầu vàng
Khéo khen phụ mẫu sinh nàng dễ thương.*

Nếu người con gái dứt khoát từ chối không nhận trầu, thì dù sự từ chối ấy lịch sự, tế nhị đến đâu cũng phải hiểu đó là sự từ chối tình yêu:

*- Thưa rằng bác mẹ tôi răn
Làm thân con gái chớ ăn trầu người.*

Còn như người con gái chỉ tỏ ý ngần ngại, vì muốn tìm hiểu thêm tình ý đối phương:

*- Miếng trầu ăn nặng bằng chì,
Ăn rồi em biết lấy gì trả ơn ?*

Thì người con trai trong trường hợp này phải trấn an liền, và thổ lộ rõ tình ý đứng đắn, xây dựng của mình:

*- Miếng trầu ăn nặng là bao,
Muốn cho đông liễn, tây đào là hơn.
- Miếng trầu là nghĩa tương giao,*

Muốn cho đây đây duyên vào hợp duyên.

Một khi thấy ý hợp, lòng ưa rồi người con gái mới nhận trầu. Hành động này hàm ý “chấp thuận”, thật là một cách bày tỏ tình cảm vừa kín đáo, tế nhị, vừa duyên dáng dễ thương.

Từ ngày nhận ăn miếng trầu kết nghĩa tương giao, gán bó trở về, tình yêu của người con gái lớn dần, làm thắm hoa cuộc sống. Nàng trở nên xinh tươi, đậm thắm:

*- Từ ngày ăn miếng trầu anh,
Cho nên má đỏ, tóc xanh đến giờ.*

Và thường để tâm hồn lãng mạn bay xa, mơ tưởng về một ngày mai được sống trong hạnh phúc lứa đôi với chàng, được cùng chàng thân mật dùng chung một hộp trầu, một ống vôi:

*- Ước gì chung mẹ chung thầy
Để em giữ cái quạt này làm thân.
Rồi ra chung gói chung chăn,
Chung quần, chung áo, chung khăn đội đầu.
Nằm thì chung cái giường tàu,
Dậy thì chung cả hộp trầu, ống vôi.*

Trở về hiện tại, giây phút sung sướng nhất hiển nhiên là giây phút nàng được thưởng thức những miếng trầu tình ái do chàng trao tặng:

*- Trầu này đủ vôi, đủ vôi
Đủ cau, đủ thuốc, đủ mùi xạ hương.
Không ăn thì bảo rằng thường
Ăn rồi mới biết người thương thế nào.*

Nhất là những miếng trầu ấy lại được chàng quí hóa, trân trọng bọc trong chiếc khăn tay trắng, dành riêng cho nàng:

*- Trầu bọc khăn trắng cau tươi,
Trầu bọc khăn trắng dãi người xinh xinh.
Ăn cho nó thỏa tâm tình,
Ăn cho nó thỏa sự mình sự ta.*

Phần nàng, nàng cũng không quên sửa soạn sẵn những miếng trầu thật đặc biệt:

- Ở giữa đệm quế, hai đầu thơm cay.

rời buộc trầu trong dải yếm đào, đem tới
tặng lại chàng với tất cả tấm lòng triu mến:

*-Trầu em buộc dải yếm đào
Hỏi người tri kỷ ăn vào có say?*

Những kẻ đang yêu ăn trầu dễ say lắm.
Nhiều khi họ tự hỏi, họ say vì trầu hay
say vì tình, vì mê bóng sắc của nhau ?

*-Tay ai như ngọc, như ngà
Đưa trầu ta tưởng đưa ta miếng vàng.
Anh say nhan sắc của nàng
Hay say vì miếng trầu vàng, cau xanh ?*

Tất nhiên cả hai rồi. Họ say vì trầu, vì
trong hạt cau có chất arécoline làm kích
thích thần kinh; đồng thời họ còn say vì
tình, nhưng say vì tình mới là chính:

*-Yêu nhau trầu vỏ cũng say
Ghét nhau cau đậu đầy khay chẳng màng.*

Và:

*-Gặp nhau ăn một khầu trầu
Không mặn vì thuốc, say nhau vì lời.*

Như thế đủ thấy, những kẻ đang yêu
được ngồi ăn trầu bên nhau thì dù trầu
có thiếu vị họ vẫn say như thường, vì họ
say tình nhau, say bóng sắc của nhau,
say lời yêu đương của nhau chứ nào có
xá gì trầu!

Tình yêu khi đã đến lúc đắm say tất
xa nhau sẽ nhớ nhưng, tương tư sâu khổ:

*- Một thương hai nhớ ba sầu,
Cơm ăn chẳng được, ăn trầu cảm
hơi.*

*Nhớ chàng lấm lấm chàng ơi,
Biết đâu thanh vắng mà ngồi thờ than?*

Nàng thờ than những gì đây ?

*-Từ ngày ăn phải miếng trầu,
Miếng ăn môi đỏ, dạ sâu dăm chiêu.
Biết là thuốc dẫu hay bùa yêu*

Làm cho thiếp phải nhiều điều xót xa.

Làm cho quên mẹ, quên cha

Làm cho quên cửa, quên nhà

Làm cho quên cả đường ra, lối vào

Làm cho quên cả dưới ao

Quên sông tắm mát, quên sao trên trời.

Trong vấn đề tình yêu và hôn nhân, không phải
bao giờ người con gái cũng ở thế thụ động , ca dao
đã chứng tỏ, có nhiều trường hợp nếu người con
gái bạo dạn một chút, lanh lợi một chút, và cũng
phải biết tế nhị nữa, thì có thể lợi dụng tục mồi
trầu để tự kén chọn cho mình một người bạn tình
trăm năm. Thật thế, như khi đã gặp được người
vừa ý rồi mà đối phương lại quá nhút nhát như anh
chàng này chẳng hạn :

*-Thương em chẳng dám trao trầu
Để trên bó mạ, gió nam lâu thổi qua.*

Nếu người con gái cũng lại chấp nê, thụ động thì
cuộc tình này đành để cho gió bay đi. Trái lại, nếu
người con gái khôn ngoan, biết mở lời bóng gió
đưa duyên, thì có thể khích lệ đối phương tiến tới:

*-Có trầu mà chả có cau
Làm sao cho đỡ môi nhau thì làm.*

Đúng ra phải nói là:

*- Có trầu mà chả có vôi
Làm sao cho đỡ môi tôi thì làm.*

Như thế, có trầu đã đành, còn phải ăn thêm với vôi
mới làm đỏ được môi. Cũng như trong tình yêu, một
người đã lên tiếng, kẻ kia có đáp lời, tình yêu song
phương mới thực sự tạo được hạnh phúc lứa đôi.

Lại những khi chưa biết rõ đối phương đối với
mình ra sao, người thiếu nữ cũng đã biết mượn
miếng trầu để dò ý, ướp tình :

*-Trầu đã có đây, cau đã có đây
Nhân duyên chưa định, trầu này ai ăn?
Trầu này trầu tui, trầu khấn,
Trầu này dải yếm, anh ăn trầu nào?*

Nếu người con trai nhận ăn “trầu dài yếm”, là những miếng trầu thiết thân với nàng, thì nàng hiểu ngay, đôi phương đã thăm xác nhận có yêu nàng, và những mong được cùng nàng kết mối lương duyên; bằng không chỉ là bạn thường, vì bạn thường thì chỉ được phép ăn “trầu khăn”, “trầu túi” của nàng mà thôi.

Lại những khi người con gái đã lỡ yêu rồi thì nàng cũng dám tấn công trước qua miếng trầu tỏ tình:

*-Vào vườn hái quả cau xanh
Bỏ ra làm sáu mời anh xơi trầu.
Trầu này tằm những voi tàu
Giữa đềm cát cánh, hai đầu quế cay.
Trầu này ăn thật là say
Dù mặn, dù nhạt, dù cay, dù nồng
Dù chẳng nên đạo vợ chồng
Xơi dăm ba miếng, kéo lòng nhớ thương.*

Miếng trầu đối với nàng lúc này không chỉ là một vật chất đơn thuần mà là một biểu tượng của tình yêu, nói khác đi, nó chính là tình yêu của nàng đã hóa thân:

*-Trầu này trầu quế, trầu hồi
Trầu loan, trầu phượng, trầu tôi, trầu mình.
Trầu này trầu tỉnh, trầu tỉnh
Trầu nhân, trầu nghĩa, trầu mình, trầu ta.
Trầu này tằm tới hôm qua
Dấu cha dấu mẹ, đem ra mời chàng.*

Nhưng không phải hề người con gái mời trầu là bao giờ cũng được bọn nam nhi đón nhận sốt sắng đâu. Nhiều chàng trai có tính đa nghi lắm, lại luôn luôn được phụ mẫu nhắc nhở, căn dặn: “Ra đường thấy con gái mời trầu thì chớ có ăn, nó bỏ bùa yêu, thuốc dấu cho là khôn, rồi đến bỏ cả học hành thôi”. Thế nên, nhiều chàng đã tỏ ra rất dè dặt trước những miếng trầu mời mọc của các nàng, bởi vậy mới có cái cảnh mời trầu nài nỉ:

*-Trầu này không phải trầu hàng
Không bùa, không thuốc sao chàng không ăn?*

Hay là chê khó, chê khẫn

Xin chàng đừng lại làm ăn miếng trầu.

Rất may chuyện này xảy ra cũng hi hữu thôi, vì các cụ ta xưa đã dạy cho người thiếu nữ biết cách từ chối nhận trầu, thì cũng lại dạy cho người thanh niên phải biết nhận trầu, có thể mới ra con người lịch sự:

-Tiện đây đưa một miếng trầu

Không ăn, cảm lấy cho nhau bằng lòng.

PHẠM THỊ NHUNG (Paris)

LÃNG DU

Trăm năm còn một con đò

Ngàn năm vọng mãi câu hò bên sông...

Buông chèo ta hát giữa dòng.

Ai hun mây nước cho hồng rắng pha.

Trên sông sương khói la đà...

Vằng trăng nghiêng ngả cho ta giọt sầu.

Mênh mông mây nước một màu.

Cã đời phiêu lãng còn đâu lối về???

THIÊN ĐỨC

(Danville, IL)

nét lãng mạn buồn

mắt xưa mầu thời gian
pha sóng xanh nồng nàn
từ dỗi hờn vô cố
ưa nhìn đời phân vân
giữa môi trường tự nhiên
khoác mảnh đời sinh viên
chưa lạc vẫn chữ nghĩa
ngôn từ bị thôi miên
trong cơn mưa bụi trần
một phiến hồn độc thân
tìm tình yêu thánh hóa
gục cười thương cố nhân
“sóc con” hẹn đôi sim
đôi mắt đen im lìm
chiếm cứ hồn thi sĩ
rời theo nước buồn chìm (1)
chiến chinh về quê hương
người lính xa khung trường
vẫn nhớ đồng hương chốn
và mắt buồn tây phương (2)
cổng trường và thi nhân
bước học trò phân vân
trên lối về mưa nhỏ
sách ôm nghiêng ngại ngần (3)
lối buồn vào nghĩa trang
người lính không đầu hàng
một dáng buồn lãng mạn
ngồi canh giữ địa đàng (4)

niềm đau trắng quê hương
xao xác đêm vô thường
đã thú vào thành thị
nhe nanh cạo tên đường (5)
những ngày đau xương da
nhìn kỷ niệm băng hà
xác chết đòi lui mộ
người trên đất khóc nhà (6)
má hồng hoen dăm chiêu
gượng lớn trong cơn liều
đem giá nghèo đi đổi
lấy lằm than cô liêu (7)
ngôi mồ ‘giải phóng’ hoang
không khói không mùi nhang
không cả lời kinh nguyện
vốn chỉ là hồn mang
tìm về phía tìm nhau
ghép vội đôi nhịp cầu
trên tuổi buồn lãng mạn
trôi về bến dài lâu

xuân bích

(Oklahoma)

- (1) Hữu Loan và “Mầu Tím Hoa Sim”
- (2) Quang Dũng và “Đôi Mắt Người Sơn Tây”
- (3) Phạm Thiên Thư & “Ngày Xưa Hoàng Thị”
- (4) Tượng “Tiếc Thương” NTQĐ/BH.
- (5) Saigon sau 30/4/75
- (6) Hoàn cảnh người dân tại Việt Nam hiện nay
- (7) Thân phận cô gái Việt dưới chế độ HCNVN.